

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2023/HS-ST
Ngày 03 - 7 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Xây

Bà Lương Thị Mỹ Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vy Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2023, Thông báo về việc chuyển ngày xét xử vụ án số 11/TB-TA ngày 25-5-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/HSST-QĐ ngày 16-6-2023 đối với các bị cáo:

1. Ngô Văn Đ, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1990 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số X, Phai L, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn D và bà Hà Thị T; có vợ là Tô Thị Quỳnh G và 02 con; tiền án: 01 tiền án về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo Bản án số 45/2022/HS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính và xử lý kỷ luật. Bị bắt, tạm giữ từ ngày 15/11/2022, tạm giam từ ngày 21/11/2022 đến ngày 09/02/2023 được bảo lãnh theo Quyết định về việc bảo lãnh số 24/QĐ-VKSLS-P1 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Lã Kiên C, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2000 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Hoàng Tr, xã Hoàng Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Lã Tiên P và bà Hứa Bích H; chưa có vợ, con; tiền án: 01 tiền án về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo Bản án số 45/2022/HS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính và xử lý kỷ luật. Bị bắt, tạm giữ từ ngày 15/11/2022, tạm giam từ ngày 21/11/2022 đến ngày 09/02/2023 được bảo lãnh theo Quyết định về việc bảo lãnh số 25/QĐ-VKSLS-P1 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Mạc Công Đ, sinh ngày 26 tháng 02 năm 2002 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ngõ 6, đường L, tổ X, khối Y, phường Vĩnh T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mạc Văn H và bà Hoàng Thị K; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng bị kết án, xử lý hành chính và xử lý kỷ luật. Bị cáo tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 18/LC-CSHS ngày 17/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Đàm Ngọc O , sinh năm 1984; địa chỉ: khối 1, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

2. Bà Nguyễn Tố N , sinh năm 1965; địa chỉ: số 184 đường Hùng V, khối Hoàng Hoa Thám, phường C, thành phố L; Vắng mặt;

3. Bà Vũ Thanh H, sinh năm 1979, trú tại số 02, đường Kéo Tào, phường V, thành phố L; Vắng mặt;

4. Bà Chu Thị Hồng L, sinh năm 1992, trú tại số 86 đường Lê Đại Hành, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

5. Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1988, trú tại N16, khối 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

6. Bà Nông Thị Bích N, sinh năm 1988, trú tại Khối 12, đường Bà T, phường H, thành phố L; Vắng mặt;

7. Bà Hoàng Thị K A , sinh năm 1987, trú tại số 27, Trung Trắc, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

8. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988, trú tại tổ 1, Khối 7, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

9. Anh Diệp Phúc H, sinh năm 2001, trú tại: số 138 đường Trần Hưng Đạo, phường C, thành phố L; nơi ở hiện nay: đường L, phố Đ, khu đô thị P, thành phố L. Vắng mặt;

10. Bà Trần Thị T, sinh năm 1982, trú tại: số 9/01/316, đường Trần Quang K, phường C, thành phố L; Vắng mặt;

11. Ông Phạm Việt H, sinh năm 1991, trú tại: số 109, khu Bản Kho, thị trấn L, huyện L tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

12. Ông Nông Trần H, sinh năm 1979, trú tại: số 21/3, đường Trần Quang

K, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

13. Anh Phạm Văn P, sinh năm 2001, trú tại: số 01, phố Đặng Văn Ngữ, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

14. Bà Nguyễn Thu T, sinh năm 1985, trú tại: số 5, đường Mạc Đình Chi, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

15. Ông Hứa Trường G, sinh năm 1984, trú tại: thôn Khòn Phở, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

16. Bà Nguyễn Thị L A, sinh năm 1987, trú tại: số 9/7, đường Nhị T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

17. Ông Triệu Văn K, sinh năm 1980, trú tại: số 12, Phai Luông 7, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

18. Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1982, trú tại: số 84, đường C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

19. Ông Vũ Văn T, sinh năm 1976, trú tại: số 13, Phan Bội Châu, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

20. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979, trú tại: thôn Nà Tài, xã X, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

21. Ông Hà Quốc L, sinh năm 1979, trú tại: số 85, đường Lý Thường Kiệt, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

22. Bà Mạc Hồng H, sinh năm 1987, trú tại: số 63, đường Ngô Thì Sĩ, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

23. Ông Đinh Công C, sinh năm 1987, trú tại: thôn Co M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

24. Anh Đào Tuấn Đ, sinh năm 2000, địa chỉ: số 256, đường Trần Quang K, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

25. Chị Tô Thị Quỳnh G, sinh năm 1994, địa chỉ: số 50 Phai Luông 6, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt;

26. Hoàng Thái D, sinh năm 1992; địa chỉ: khu Lao động, thị trấn L, huyện L tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;

27. Vũ Thị Khánh C, sinh năm 1988. Địa chỉ: số 18, ngõ 109, đường Nguyễn D, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

28. Nguyễn Tiến M, sinh năm 1994, trú tại: số 17, Trung Trắc, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;

29. Nguyễn Văn K, sinh năm 1992. Địa chỉ: xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

30. Phương Thị N, sinh năm 1972. Địa chỉ: số 76, đường Đinh Tiên H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

31. Phạm Kim N, địa chỉ: số 15/3, đường Trần Quang K, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

32. Lô Văn D, sinh năm 1990. Địa chỉ: xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

33. Trần Thị Thu H, sinh năm 1983. Địa chỉ: số 6, ngõ 4, đường B, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

34. Phạm Văn H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn Hoàng T, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

35. Hoàng Thị Huệ, sinh năm 1969, địa chỉ: khối 6, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

36. Hoàng Thế H, sinh năm 1991, địa chỉ: xã X, huyện Ân T, tỉnh Hưng Yên; Vắng mặt;

37. Trương Thị Minh C, sinh năm 1975. Địa chỉ: xã T, huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

38. Phạm Thị T, sinh năm 1989.Địa chỉ: số 3, ngõ 110, đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

39. Nguyễn Phương T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn Hoàng T, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

40. Hoàng Thị C, sinh năm 1961, địa chỉ: phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

41. Đỗ Quyết Ch, sinh năm 1971, địa chỉ: phòng 303, nhà ở xã hội phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt.

42. Nguyễn Kim L, sinh năm 1977 địa chỉ: khối 7, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

43. Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1993, địa chỉ: số 94, L, khối 11, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

44. Lương Thị Thuỳ D. Địa chỉ: số 9/1/66, đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

45. Nguyễn Tổ N. Địa chỉ: 126, đường Hùng Hương, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

46. Dương Minh H, sinh năm 1986. Địa chỉ: số 69/21B, Đường Văn Thân, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt;

47. Hà Việt C, trú tại số 789B đường Trần Đăng N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

48. Nguyễn Thanh M, 1982, địa chỉ: số 38/1 Ngô Thì Sĩ, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

49. Hoàng Thu H, sinh năm 1976, địa chỉ: số 13/1, Lê Lai, phường Hoàng Văn T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

50. Võ Thị Nh, sinh năm 1974, trú tại 221, đường Lê Đại Hành, khối 7+10 phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
51. Phạm Thu H, sinh năm 1991, địa chỉ: số 124 Tông Đản, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
52. Trương Thị Th, sinh năm 1965, địa chỉ: số 02/402, đường Trần Quang K, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
53. Lương Thị H, trú tại: Hồng Thái, Bình Gia, Lạng Sơn; Vắng mặt;
54. Hoàng Văn V, địa chỉ: số 33 đường Nguyễn D, khối 1 + 2, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
55. Bé Thị Th, trú tại: thị trấn Văn Q, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
56. Vi Thu H, sinh năm 1985, địa chỉ: số 14A ngõ 8, đường Lê Đại Hành, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
57. Đường Thị D, sinh năm 1954, địa chỉ: số 53, đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
58. Vũ Hồng H, sinh năm 1990, địa chỉ: số 56, đường Ngô Quyền, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
59. Hoàng Thị H, địa chỉ: Ngõ 39, Văn Vĩ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
60. Hoàng Bảo L, sinh năm 1993, địa chỉ: số 71, đường Phan Đình P, khối 5, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
61. Trần Thị Thanh H, sinh năm 1978, địa chỉ: phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
62. Hoàng Thị M, sinh năm 1960 địa chỉ: số 71 Phan Đình Phùng, khối 5, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
63. Chu Cao K, sinh năm 1995, địa chỉ: thị trấn Chi Lăng, huyện Chi L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
64. Lưu Thị H, trú tại: ngõ 2, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
65. Lành Thị P, trú tại: phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
66. Vũ Thị H, địa chỉ: số 24, đường Trần Hưng Đạo, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
67. Trần C, sinh năm 1990, địa chỉ: số 229, Trần Đăng Ninh, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
68. Bùi Trung T, sinh năm 1975, địa chỉ: khu Đoàn Kết, thị trấn Đ, huyện Chi L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
69. Phạm Thị N, sinh năm 1982, địa chỉ: phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Vắng mặt;

70. Lương Thị Vân A, sinh năm 1976, địa chỉ: số 37A, ngõ 2, đường Nguyễn D, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

71. Đinh Diệu L, sinh năm 1980, địa chỉ: số 41, đường Trần Quang K, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

72. Nguyễn Lệ T, sinh năm 1976, địa chỉ: số 66, đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

73. Cam Thị Huệ Gi, sinh năm 1980, địa chỉ: số 81, Thân Công Tài, khối 2, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

74. Chu Thị H, sinh năm 1989, địa chỉ: thôn Phai Duốc, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

75. Hoàng Thị T, sinh năm 1984, địa chỉ: số 90, Phố Muối, khối 2 phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

76. Nguyễn Văn T, sinh năm 1974, địa chỉ: xã Nam Thái, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định; Vắng mặt;

77. Hoàng Thị V, sinh năm 1968, trú tại: số 10, ngõ 38, B, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

78. Hoàng Thị D, sinh năm 1977, trú tại: số 10 ngõ 38 B, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

79. Lê Đức Đ, địa chỉ: 20/1 Văn Miếu, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

80. Chu Thành C, sinh năm 2000, địa chỉ: thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

81. Hà Duy H, trú tại: phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

82. Lê Hương G, địa chỉ: số 6, ngõ 8, đường Nguyễn D, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

83. Tạ Thị Thu L, sinh năm 1969, địa chỉ: số 36/4 Phố Muối, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

84. Nông Thị H, sinh năm 1972, địa chỉ: phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

85. Cù Thị Thanh T, địa chỉ: số 74 Đèo Giang, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

86. Hoàng Thị H, sinh năm 1963, địa chỉ: số 33/85, Phố Muối, khối 10, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

87. Phạm Văn T, sinh năm 1992 địa chỉ: số 126, Nguyễn Du, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

88. Hoàng Thị T, sinh năm 1962, địa chỉ: xã Chi Lăng, huyện Chi L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

89. Nguyễn Thị L, sinh năm 1973, địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

90. Bùi Thị Bích N, địa chỉ: số 162 Trần Hưng Đạo, khối Cửa Bắc, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

91. Hoàng Thị X, sinh năm 1987, đc số 167, tổ 3, khối 7, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

92. Đỗ Thanh T, sinh năm 1967, địa chỉ: 43/4 L, phường Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

93. Dương Thị Th, 1976, địa chỉ: số 24 đường Cao Thắng, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

94. Nguyễn Thị Vân L, sinh năm 1989, địa chỉ: 20/2 Mỹ Sơn, khối 8, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

95. Đỗ Hà L, sinh năm 1976, địa chỉ: số 7/4 đường Lê Hồng P, phường T, TP. L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

96. Nguyễn Văn H, sinh năm 1987, địa chỉ: số 314, Bắc S, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

97. Hoàng Thị K, sinh năm 1982, địa chỉ: 204/D4 nhà ở xã hội khối 8 phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

98. Lưu Thị Th, sinh năm 1998, địa chỉ: thôn Đồng Ân, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

99. Triệu Văn Th, sinh năm 1992, địa chỉ: xã Thiện Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

100. Phạm Thị L, sinh năm 1967, địa chỉ: số 33, đường Nguyễn D, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

101. Vũ Mai H, sinh năm 1977, địa chỉ: xã Hợp Minh, huyện Chấn Yên, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt;

102. Nông Bá H, sinh năm 1978, địa chỉ: 9/93 L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

103. Lâm Ngọc T, sinh năm 1989, trú tại số 72 Tổ Sơn, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;

104. Lê Hương G, trú tại: số 6, ngõ 8, đường Nguyễn D, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

105. Lường Thị V, sinh năm 1984, địa chỉ: khu Phiêng Quăn, thị trấn L, huyện L tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

106. Vũ Thị Minh T, sinh năm 1955, địa chỉ: phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

107. Nguyễn Thị M, địa chỉ: số 02, Văn Miếu, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

108. Nguyễn Nhị H, địa chỉ: số 23/02 đường Nguyễn Thế Lộc, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
109. Vũ Lan H, địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
110. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1958, địa chỉ: thôn Giang Tân, xã Thái Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; Vắng mặt;
111. La Văn T, địa chỉ: số 84, Chùa T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
112. Hoàng Văn H, địa chỉ: tổ 4, khối 9, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
113. Lương Thị Quỳnh H, sinh năm 1978, địa chỉ: số 21 L, khối 4 phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
114. Linh Thị T, sinh năm 1987, địa chỉ: khu Trung Tâm, thị trấn Đ, huyện Chi L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
115. Hồ Thu H, địa chỉ: số 45, đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
116. Lã Hoàng X, địa chỉ: đường Bà T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
117. Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1994, địa chỉ: số 61, Xương Giang, khu Tân Hòa, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
118. Nông Văn C, sinh năm 1973, địa chỉ: khu Hợp Tiến, thị trấn Đ, huyện Chi L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
119. Lã Xuân M, sinh năm 1983, địa chỉ: số 109, đường Trần Phú, khối 7, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
120. Trần Ngọc Y, địa chỉ: số 12, ngõ 6, đường Lê Đại Hành, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
121. Phạm Thị H, sinh năm 1978, địa chỉ: số 11, đường Ngô Quyền, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
122. Hoàng Thanh T, sinh năm 1993, địa chỉ: thôn Nà Chuông, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
123. Phạm Công H, sinh năm 1970, địa chỉ: số 70, Đình Tiên Hoàng, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
124. Nguyễn Cao C, sinh năm 1981, địa chỉ: số 130, Hùng V, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
125. Hoàng Thu H, trú tại: số 6, ngõ 8 đường Nguyễn D, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;
126. Tô Hoàng N, sinh năm 1995, địa chỉ: tổ 3, khối 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

127. Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993, trú tại số 25, Mai Toàn Xuân, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

128. Đoàn Lê H, sinh năm 1986, địa chỉ: phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

129. Chu Bích H, trú tại: số 36, đường T, khối 2, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

130. Nguyễn Văn H, sinh năm 1956, địa chỉ: đường Nguyễn D, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

131. Nguyễn Văn H, trú tại: số 314 Bắc S, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

132. Chu Thị T, sinh năm 1992, địa chỉ: số 301, đường Văn Miếu, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

133. Kiên Thị N, trú tại: ngõ 1, đường Tô Thị, khối 7, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;

134. Phạm Công H, sinh năm 1974, trú tại: số 2, Phai Luông 5, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

135. Nguyễn Văn Đ, trú tại: số 87, đường Lê Hồng P, khối 8, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;

136. Đinh Thế L, trú tại: số 43/2 Đèo Giang, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

137. Vi Thị Đ, sinh năm 1952, địa chỉ: 10/4 B, khối 9 phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

138. Trần Văn T, sinh năm 1960, địa chỉ: đường Bắc S, khối 12 phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

139. Nguyễn Thế L, sinh năm 1961, nơi ở: số 3/1 Lương Văn Tri phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

140. Nguyễn Thuý H, sinh năm 1976, địa chỉ: thôn Quảng Liên I, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

141. Nông Ngọc H, trú tại: khối 12 đường Bà T, phường Hoàng Văn Thụ, TP L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

142. Đỗ Xuân T, sinh năm 1969, địa chỉ: số 43, đường Trần Đăng N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

143. Phạm Minh T, sinh năm 1986, địa chỉ 80, đường Bà T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

144. Triệu Thị L, sinh năm 1958, địa chỉ 136, đường T, khối 6, phường T, TP. L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

145. Nguyễn Văn C, sinh năm 1969, địa chỉ: tổ 4, khối 9, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

146. Đặng Thị T, sinh năm 1959, địa chỉ: Thôn Hoàng T, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

147. Lâm Thị T, sinh năm 1981, địa chỉ: tập thể Sở tài chính, khối 2 phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

148. Hà Bảo T, sinh năm 1981, địa chỉ: 10/1 đường B, khối 9 phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

149. Đới Thị H, sinh năm 1971, địa chỉ: tổ 1, khối 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

150. Lưu Viết T, trú tại: khu Bờ Sông, thị trấn L, huyện L tỉnh Lạng Sơn Vắng mặt;

151. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Lý Kiều M, sinh năm 1947 (đã chết); địa chỉ: 138, đường Bắc S, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

152. Vi Văn B, địa chỉ: số 31 Lý Thường Kiệt, khối 7, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

153. Nguyễn Thị K, sinh năm 1967; địa chỉ: số 9, đường Quang Trung, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

154. Linh Tuyết M, sinh năm 1962, địa chỉ: số 8/3, đường Chu Văn An, khối 3, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

155. Nguyễn Chí T, trú tại: số 20 Lê Quý Đôn, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

156. Lương Hùng A, sinh năm 1978, địa chỉ: số 12, đường Văn Vĩ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

157. Trần Xuân P, trú tại: Phai Luông, xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

158. Nguyễn Văn C, sinh năm 1971; địa chỉ: số 6, ngõ 5, khối Trần Quang Khải, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

159. Hoàng Thị T, sinh năm 1979, trú tại: số 62A Trần Phú, khối 6, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

160. Dương Văn G, trú tại: số 22 đường Thác Trà, phường C, thành phố L; Vắng mặt;

161. Hoàng Thị M, sinh năm 1960, trú tại: số 71 Phan Đình Phùng, khối 5, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

162. Vũ Viết Q, trú tại: thôn An Quang, xã Lãng Ngâm, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

163. Đàm Quang D, sinh năm 1979, địa chỉ: số 16, Trần Khánh Dư, khối 3, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

164. Phạm Xuân T, trú tại: số 8, Đường Thành, khối Đình Tiên Hoàng, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

165. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1962, địa chỉ: số 170, Trần Hưng Đạo, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

166. Phạm Đình D, sinh năm 1955, địa chỉ: thôn Đồng Ân, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

167. Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của Trịnh Phú Tr(đã chết); trú tại: Thôn Hoàng Tân, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

168. Mạc Thế D, địa chỉ: số 63 đường Ngô Thì Sĩ, phường T, TP L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

169. Hoàng Thị B, trú tại: số 22 Tô Thị, khối 7, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

170. Nguyễn Thị D, sinh năm 1969, địa chỉ: số 56, đường Trần Hưng Đạo, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

171. Người thừa kế quyền nghĩa vụ của Vũ Văn N(Nhi), đã chết, địa chỉ: Phan Đình Phùng, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

172. Trần Thị T, trú tại: số 42 đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

173. La Thị V, sinh năm 1959, trú tại: phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

174. Hoàng Thị C, sinh năm 1961, địa chỉ: phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

175. Lương Thị U, địa chỉ: số 211, đường Trần Trần Hưng Đạo, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

176. Mai Thị N, sinh năm 1964, địa chỉ: thôn Tân Lập, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

177. Lê Văn L, trú tại: số 37, ngõ 2, khối 1 phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; Vắng mặt;

178. Hoàng Thu H, sinh năm 1976; địa chỉ: số 61/10 đường Bắc S, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt;

179. Hải Thị N, sinh năm 1975; chỗ ở: ngõ 16, đường Nguyễn D, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết nhiều người có nhu cầu vay tiền để làm ăn, chi tiêu nên từ đầu năm 2019, Ngô Văn Đ đã có hành vi cho người khác vay tiền với lãi suất cao,

dưới 02 hình thức: Vay lãi nặng, tức trả lãi hàng ngày với mức lãi từ 3000 đồng - 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng lãi suất từ 109,5%- 182,5%/năm, không giới hạn thời gian trả gốc và vay bất hạn, một bất hạn tương đương 10.000.000 đồng, lãi suất cắt trước là 2.000.000 đồng, số tiền người vay nhận được là 8.000.000 đồng, số tiền phải trả là 10.000.000 đồng trong vòng 50 ngày, lãi suất 146%/năm.

Quá trình cho vay lãi nặng, Ngô Văn Đ thuê các đối tượng Lã Kiên C , Đào Tuấn Đ (Đạt làm thuê cho Đông từ tháng 3/2020 đến tháng 6/2021) và Mạc Công Đ làm thủ tục cho khách vay, theo dõi các khoản vay để nhắc nợ, đòi nợ. Khi muốn vay tiền, khách vay sẽ liên hệ trực tiếp với Đông để trao đổi, thỏa thuận hình thức vay, số tiền vay và lãi suất. Sau đó Đông chỉ đạo Cường, Đạt, Đoàn làm thủ tục cho vay, chuyển tiền đến số tài khoản của khách vay thông qua tài khoản ngân hàng của Tô Thị Quỳnh G(vợ của Ngô Văn Đ). Khi trả tiền lãi hoặc gốc, Ngô Văn Đ yêu cầu khách vay chuyển khoản vào số tài khoản của Cường, Đạt, Đoàn hoặc Giang để rút tiền mặt đưa lại cho Đông. Để tránh bị lực lượng chức năng phát hiện, xử lý, Đông chỉ đạo Cường, Đạt, Đoàn khi làm thủ tục cho khách vay tiền thì yêu cầu khách vay viết giấy vay với lãi suất theo thỏa thuận hoặc lập hợp đồng vay tiền công chứng với lãi suất trên hợp đồng không quá lãi suất ngân hàng quy định. Với nhiệm vụ như trên, Ngô Văn Đ trả lương cho Lã Kiên C 5.000.000 đồng/tháng, đã trả tổng 150.000.000 đồng; trả cho Đào Tuấn Đ 4-5.000.000 đồng/tháng, đã trả tổng 73.000.000 đồng; trả cho Mạc Công Đ 4-5.000.000 đồng/tháng, đã trả tổng 50.000.000 đồng.

Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì lãi suất cho vay tối đa 20%/năm, tương ứng 547,95 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Cơ quan điều tra tính lãi suất được hưởng tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và do Ngô Văn Đ cắt lãi trước nên số tiền thu lợi bất chính được tính từ số tiền lãi đã cắt trước trừ đi số tiền lãi hợp pháp trong trường hợp thanh toán đầy đủ theo thỏa thuận; đối với các khoản vay người vay trả lãi không đúng kì hạn, do Ngô Văn Đ vẫn tính lãi các ngày trả chậm nên sẽ tính theo thỏa thuận theo hướng có lợi cho bị cáo, tính số tiền thu lợi bất chính dựa trên số tiền lãi đã cắt trước trừ đi số tiền lãi hợp pháp của đủ số ngày theo thỏa thuận giữa hai bên. Đồng thời áp dụng cách tính % (phần trăm) lãi suất theo quy định của Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng.

Những người vay tiền với lãi suất cao của Ngô Văn Đ gồm:

1. Đàm Ngọc O

Ngày 03/12/2019, Đàm Ngọc O vay Ngô Văn Đ số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 5000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 182,5%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi một lần 5.000.000 đồng. Từ ngày 03/12/2019 đến ngày 23/3/2020, Đàm Ngọc O đã trả lãi số tiền 55.000.000 đồng (tất cả đều chuyển khoản vào tài khoản của Tô Thị Quỳnh G). Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $100.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 112 \text{ ngày} =$

6.137.040 đồng; số tiền lãi bất hợp pháp là 55.000.000 đồng - 6.082.245 đồng = 48.862.960 đồng.

Ngày 25/3/2020, Đàm Ngọc O vay Ngô Văn Đ số tiền 50.000.000 đồng, cộng với khoản vay cũ thành khoản vay mới là 150.000.000 đồng, lãi suất 4000 đồng/triệu/ngày tương ứng 146%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi một lần 6.000.000 đồng. Từ ngày 25/3/2020 đến ngày 19/5/2020, Đàm Ngọc O đã trả lãi cho Ngô Văn Đ số tiền 30.000.000 đồng (tất cả đều chuyển khoản vào tài khoản của Tô Thị Quỳnh G). Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là 150.000.000 đồng x 547,95 đồng/1.000.000 đồng x 56 ngày = 4.602.780 đồng; số tiền lãi bất hợp pháp là 30.000.000 đồng - 4.602.780 đồng = 25.397.220 đồng.

Ngày 19/5/2020, Đàm Ngọc O vay Ngô Văn Đ số tiền 150.000.000 đồng, cộng với khoản vay cũ thành khoản vay mới là 300.000.000 đồng, lãi suất 3000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,5%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi một lần 9.000.000 đồng. Từ ngày 19/5/2020 đến ngày 31/8/2020, Oanh đã trả lãi cho Đông 78.000.000 đồng (tất cả đều chuyển khoản vào tài khoản của Lã Kiên C); sau thời gian này, Oanh đã xin Đông khoan nợ. Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là 300.000.000 đồng x 547,95 đồng/1.000.000 đồng x 105 ngày = 17.260.425 đồng; số tiền lãi bất hợp pháp là 78.000.000 đồng - 17.260.425 đồng = 60.739.575 đồng.

Hiện nay Đàm Ngọc O đã trả cho Ngô Văn Đ 115.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ 185.000.000 đồng.

Tổng số tiền Ngô Văn Đ đã thu lợi bất chính khi cho Đàm Ngọc O vay tiền là: (48.862.960 đồng + 25.397.220 đồng + 60.739.575 đồng) = 134.999.755 đồng.

2. Nguyễn Tố N

Ngày 08/5/2020, bà Nguyễn Tố N vay của Ngô Văn Đ 100.000.000 đồng, lãi suất 4000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 146%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần 4.000.000 đồng. Ngô Văn Đ yêu cầu bà Nguyễn Tố N để lại 01 Giấy chứng minh nhân dân. Từ ngày 08/5/2020 đến 04/11/2020, bà Nguyễn Tố N đã trả lãi cho Ngô Văn Đ số tiền 72.000.000 đồng. Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là 100.000.000 đồng x 547,95 đồng/1.000.000 đồng x 181 ngày = 9.917.895 đồng; số tiền lãi bất hợp pháp là 72.000.000 đồng - 9.917.895 đồng = 62.082.105 đồng.

Từ tháng 12/2020 đến giữa năm 2021, Ngô Văn Đ tính cho bà Nguyễn Tố N lãi suất 2000 đồng/triệu/ngày. Từ năm 2021 đến nay, bà Nguyễn Tố N xin Ngô Văn Đ không trả lãi nữa. Hiện Nguyễn Tố N vẫn nợ Ngô Văn Đ tiền gốc.

3. Vũ Thanh H

Tháng 6/2021, Vũ Thanh H vay của Ngô Văn Đ số tiền 70.000.000 đồng. Ngô Văn Đ chỉ đạo Lã Kiên C cho vay, lãi suất 3000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,5%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần số tiền 2.100.000 đồng; yêu

cầu Vũ Thanh H để lại 01 Giấy phép lái xe ô tô. Từ tháng 6/2021 đến tháng 8/2021, Vũ Thanh H đã trả lãi cho Ngô Văn Đ, Lã Kiên C số tiền 12.600.000 đồng. Từ tháng 8/2021 đến tháng 11/2021, Vũ Thanh H xin Đông giảm lãi suất xuống 2000 đồng/triệu/ngày, sau đó xin khoan nợ. Hiện Vũ Thanh H đã trả hết nợ gốc.

Tính từ tháng 6/2021 đến tháng 8/2021, số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $70.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 60 \text{ ngày} = 2.301.390 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $12.600.000 \text{ đồng} - 2.301.390 \text{ đồng} = 10.298.610 \text{ đồng}$.

4. Chu Thị Hồng L

Ngày 25/8/2021, Chu Thị Hồng L vay Đông 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 182,5%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi một lần 1.000.000 đồng. Ngô Văn Đ chỉ đạo Lã Kiên C hướng dẫn Chu Thị Hồng L viết giấy vay tiền, yêu cầu để lại sổ hộ khẩu và Giấy chứng minh nhân dân của Chu Thị Hồng L. Từ ngày 25/8/2021 đến ngày 16/10/2021, Chu Thị Hồng L đã trả tiền lãi cho Ngô Văn Đ số tiền 5.000.000 đồng (tất cả đều chuyển khoản). Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $20.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 53 \text{ ngày} = 580.827 \text{ đồng}$; tiền lãi bất hợp pháp là $5.000.000 \text{ đồng} - 580.827 \text{ đồng} = 4.419.173 \text{ đồng}$.

Ngày 16/10/2021, Chu Thị Hồng L vay Ngô Văn Đ 10.000.000 đồng, cộng với khoản vay cũ, nhập thành khoản vay mới là 30.000.000 đồng. Ngô Văn Đ chỉ đạo Lã Kiên C hướng dẫn Chu Thị Hồng L viết giấy vay mới, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương đương 182,5%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần 1.500.000 đồng. Từ ngày 16/10/2021 đến ngày 30/01/2022, Chu Thị Hồng L đã trả lãi cho Ngô Văn Đ số tiền 15.000.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $30.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 107 \text{ ngày} = 1.758.919,5 \text{ đồng}$; tiền lãi bất hợp pháp là $15.000.000 \text{ đồng} - 1.758.919,5 \text{ đồng} = 13.241.080,5 \text{ đồng}$.

Từ ngày 30/01/2022 đến ngày 08/02/2022, Ngô Văn Đ và Lã Kiên C thống nhất không tính lãi khoản vay này. Đến ngày 09/02/2022, Chu Thị Hồng L tiếp tục vay Ngô Văn Đ số tiền 10.000.000 đồng, cộng với khoản vay cũ, nhập thành khoản vay mới là 40.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 182,5%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần 2.000.000 đồng. Ngô Văn Đ chỉ đạo Lã Kiên C hướng dẫn Linh viết giấy vay mới. Từ ngày 09/02/2022 đến ngày 20/10/2022, Lã Kiên C đã trả cho Đông số tiền lãi là 35.000.000 đồng. Theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, tiền lãi hợp pháp sẽ được tính cho đến ngày 15/11/2022 là ngày các bị cáo bị bắt. Như vậy tính từ ngày 09/02/2022 đến ngày 15/11/2022, số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $40.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 280 \text{ ngày} = 6.137.040 \text{ đồng}$; tiền lãi bất hợp pháp là $35.000.000 \text{ đồng} - 6.137.040 \text{ đồng} = 28.862.960 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền Ngô Văn Đ đã thu lợi bất chính khi cho Chu Thị Hồng L vay tiền là: $4.419.173 \text{ đồng} + 13.241.080,5 \text{ đồng} + 28.862.960 \text{ đồng} = 46.523.213,5 \text{ đồng}$.

Hiện Chu Thị Hồng L vẫn nợ Ngô Văn Đ số tiền gốc là 40.000.000 đồng, tuy nhiên Chu Thị Hồng L đã lấy lại sổ hộ khẩu, Giấy chứng minh nhân dân.

5. Dương Văn Đ

Ngày 10/9/2021, Dương Văn Đ vay Ngô Văn Đ 100.000.000 đồng, lãi suất 4000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 146%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả số tiền lãi 4.000.000 đồng/lần. Từ 10/9/2021 đến 29/12/2021, Dương Văn Đ đã trả lãi cho Ngô Văn Đ số tiền 44.000.000đồng, trong đó 8.000.000đồng là chuyển khoản và 36.000.000đồng là đưa tiền mặt cho Lã Kiên C. Như vậy, số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $100.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 111 \text{ ngày} = 6.082.245 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $44.000.000 \text{ đồng} - 6.082.245 \text{ đồng} = 37.917.755 \text{ đồng}$.

Ngày 29/12/2021, Dương Văn Đ vay Ngô Văn Đ 100.000.000đồng, cộng với khoản vay cũ, nhập thành khoản vay mới là 200.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,5%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 6.000.000 đồng. Từ ngày 29/12/2021 đến ngày 18/7/2022, Dương Văn Đ đã trả lãi cho Ngô Văn Đ số tiền 120.000.000 đồng, trong đó chuyển khoản 93.500.000 đồng, đưa tiền mặt cho Lã Kiên C Cường là 26.500.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $200.000.000\text{đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000\text{đồng} \times 202 \text{ ngày} = 22.137.180\text{đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $120.000.000 \text{ đồng} - 22.137.180\text{đồng} = 97.862.820\text{đồng}$.

Ngày 22/7/2022, Dương Văn Đ tiếp tục vay Đông 100.000.000 đồng, cộng với khoản vay cũ thành khoản vay mới là 300.000.000 đồng, lãi suất 30.000.000đồng/tháng, tương ứng 120%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 10.000.000 đồng. Từ ngày 22/7/2022 đến ngày 24/10/2022, Dương Văn Đ đã trả lãi cho Ngô Văn Đ được 90.000.000đồng và xin khoan nợ, chỉ trả gốc 300.000.000đồng, Ngô Văn Đ đồng ý. Như vậy, số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $300.000.000\text{đồng} \times 547,95\text{đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 95 \text{ ngày} = 15.616.575\text{đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $90.000.000\text{đồng} - 15.616.575 \text{ đồng} = 74.383.425 \text{ đồng}$. Hiện nay, Dương Văn Đ đã trả hết nợ gốc.

Tổng số tiền Ngô Văn Đ đã thu lợi bất chính khi cho Dương Văn Đ vay tiền là: $37.917.755\text{đồng} + 97.862.820\text{đồng} + 74.383.425\text{đồng} = 210.164.000\text{đồng}$.

6. Nông Thị Bích N

Ngày 10/9/2021, Nông Thị Bích N vay Ngô Văn Đ số tiền 20.000.000đồng, lãi suất 5000đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 1.000.000 đồng. Ngô Văn Đ chỉ đạo Lã Kiên C hướng dẫn Nông Thị Bích N làm thủ tục vay và yêu cầu đặt lại 01 sổ hộ khẩu mang tên Nông Ngọc H. Tính đến ngày 30/9/2021, Nông Thị Bích N đã trả lãi cho Đông và Cường 2.000.000 đồng. Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $20.000.000\text{đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000\text{đồng} \times 21 \text{ ngày} = 230.139 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $2.000.000 \text{ đồng} - 230.139 \text{ đồng} = 1.769.861 \text{ đồng}$.

Ngày 30/9/2021, Nông Thị Bích N vay thêm của Đông 10.000.000đồng, cộng với khoản vay cũ thành khoản vay mới là 30.000.000đồng, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần là 1.500.000đồng, tính đến ngày 29/6/2022, Ngọc đã trả lãi cho Đông và Cường (cả chuyển khoản và đưa tiền mặt) số tiền 37.500.000 đồng. Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $30.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 273 \text{ ngày} = 4.487.710,5 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $37.500.000\text{đồng} - 4.487.710,5 \text{ đồng} = 33.012.289,5 \text{ đồng}$.

Ngày 29/6/2022, Nông Thị Bích N vay thêm của Đông 10.000.000đồng, cộng với khoản vay cũ thành khoản vay mới là 40.000.000 đồng, 10 ngày trả lãi một lần số tiền 2.000.000đồng. Tính đến ngày 29/10/2022, Ngọc đã trả cho Đông và Cường (cả chuyển khoản và đưa tiền mặt) số tiền 24.000.000 đồng. Theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, tiền lãi hợp pháp sẽ được tính cho đến ngày 15/11/2022 là ngày các bị cáo bị bắt. Như vậy từ ngày 29/6/2022 đến ngày 15/11/2022, số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $40.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 140 \text{ ngày} = 3.068.520 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $24.000.000 \text{ đồng} - 3.068.520 \text{ đồng} = 20.931.480 \text{ đồng}$. Hiện nay Nông Thị Bích N vẫn chưa trả tiền gốc cho Đông.

Tổng số tiền Ngô Văn Đ đã thu lợi bất chính khi cho Nông Thị Bích N vay tiền là: $1.769.861 \text{ đồng} + 33.012.289,5 \text{ đồng} + 20.931.480 \text{ đồng} = 55.713.630,5 \text{ đồng}$.

7. Hoàng Thị K A

Ngày 16/9/2021, Kim Anh vay Đông số tiền 20.000.000 đồng. Đông chỉ đạo Cường làm thủ tục cho vay và yêu cầu để lại căn cước công dân, lãi suất 5000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 182,5%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần là 1.000.000 đồng. Từ ngày 16/9/2021 đến ngày 16/02/2022, Kim Anh đã trả lãi cho Đông và Cường 20.000.000 đồng. Đến tháng 4/2022, Kim Anh xin dừng trả lãi khoản vay và trả gốc dần; Cường đồng ý và yêu cầu Kim Anh phải trả 26.000.000 đồng, bao gồm 6.000.000 đồng tiền lãi tính từ 16/02/2022 đến tháng 4/2022 và 20.000.000 đồng tiền gốc. Đến ngày 31/7/2022, Kim Anh đã trả cho Đông và Cường 6.000.000 đồng tiền lãi theo thỏa thuận trước đó và 1.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ Đông số tiền gốc 19.000.000 đồng.

Tính từ ngày 16/9/2021 đến ngày 31/7/2022, số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $20.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 319 \text{ ngày} = 3.495.921 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $26.000.000 \text{ đồng} - 3.495.921 \text{ đồng} = 22.504.079 \text{ đồng}$.

8. Nguyễn Thị H

Ngày 04/01/2022, Hường vay Đông số tiền 45.000.000 đồng. Đông chỉ đạo Cường cho vay và thu lãi của Hường, lãi suất 5000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 182,5%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi một lần số tiền 2.250.000 đồng. Tính từ ngày 04/01/2022 đến ngày 02/6/2022, Hường đã trả cho Đông và Cường 31.500.000 đồng tiền lãi và 5.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 40.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là

$45.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 150 \text{ ngày} = 3.698.662,5 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $31.500.000 \text{ đồng} - 3.698.662,5 \text{ đồng} = 27.801.337,5 \text{ đồng}$.

Ngày 13/6/2022, Hường trả cho Cường 10.000.000 đồng tiền gốc, số tiền gốc còn nợ lại là 30.000.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 40.000.000 đồng (từ ngày 02/6/2022 đến ngày 13/6/2022). Tính từ ngày 02/6/2022 đến ngày 13/6/2022, số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $40.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ ngày} = 263.016 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp $2.000.000 \text{ đồng} - 263.016 \text{ đồng} = 1.736.984 \text{ đồng}$.

Từ ngày 13/6/2022 đến ngày 23/10/2022, Hường trả cho Cường tiền lãi của khoản vay 30.000.000 đồng là 16.600.000 đồng. Số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $30.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 133 \text{ ngày} = 2.186.320,5 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp $16.600.000 \text{ đồng} - 2.186.320,5 \text{ đồng} = 14.413.679,5 \text{ đồng}$.

Ngày 01/11/2022, Hường vay thêm Đông và Cường 10.000.000 đồng, cộng với khoản vay cũ thành khoản vay mới là 40.000.000 đồng. Từ ngày 01/11/2022 đến ngày 11/11/2022, Hường trả 2.000.000 đồng tiền lãi. Từ ngày 23/10/2022 đến ngày 01/11/2022, Đông và Cường không tính lãi. Theo nguyên tắc có lợi, tiền lãi hợp pháp sẽ được tính cho đến ngày các bị cáo bị bắt. Như vậy tính từ ngày 01/11/2022 đến ngày 15/11/2022, số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $40.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 15 \text{ ngày} = 328.770 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp $2.000.000 \text{ đồng} - 328.770 \text{ đồng} = 1.671.230 \text{ đồng}$. Hiện Nguyễn Thị H vẫn nợ Đông tiền gốc.

Tổng số tiền Ngô Văn Đ đã thu lợi bất chính khi cho Nguyễn Thị H vay tiền là: $(27.801.337,5 \text{ đồng} + 1.736.984 \text{ đồng} + 14.413.679,5 \text{ đồng} + 1.671.230 \text{ đồng}) = 45.623.231 \text{ đồng}$.

9. Diệp Phúc H

Ngày 10/01/2022, Diệp Phúc H vay của Đông số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 5000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 182,5%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần là 500.000 đồng. Tính từ ngày 10/01/2022 đến ngày 31/5/2022, Hưng đã trả cho Đông và Đoàn 3.500.000 đồng tiền lãi. Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $10.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 142 \text{ ngày} = 778.089 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $3.500.000 \text{ đồng} - 778.089 \text{ đồng} = 2.721.911 \text{ đồng}$.

Ngày 07/6/2022, Hưng vay của Đông số tiền 10.000.000 đồng, cộng với khoản vay cũ thành khoản vay mới là 20.000.000 đồng, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần là 1.000.000 đồng. Tính từ ngày 07/6/2022 đến ngày 17/9/2022, Hưng đã trả cho Đông và Đoàn 5.700.000 đồng tiền lãi (từ ngày 31/5/2022 đến ngày 07/6/2022 Đông và Đoàn không tính lãi). Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $20.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 103 \text{ ngày} = 1.128.777 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $5.700.000 \text{ đồng} - 1.128.777 \text{ đồng} = 4.571.223 \text{ đồng}$.

Ngày 23/9/2022, Hưng vay của Đông số tiền 5.000.000 đồng, cộng với khoản vay cũ thành khoản vay mới là 25.000.000 đồng, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần là 1.250.000 đồng. Tính từ ngày 23/9/2022 đến ngày 14/11/2022, Hưng đã trả cho Đông và Đoàn 6.000.000 đồng tiền lãi, chưa trả tiền gốc. Theo nguyên tắc có lợi cho bị can, tiền lãi hợp pháp sẽ được tính cho đến ngày 15/11/2022 là ngày các bị can bị bắt. Như vậy tính từ ngày 23/9/2022 đến ngày 15/11/2022, số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $25.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 54 \text{ ngày} = 739.732,5 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $6.000.000 \text{ đồng} - 739.732,5 \text{ đồng} = 5.260.267,5 \text{ đồng}$.

Cả ba lần, Ngô Văn Đ đều chỉ đạo Mạc Công Đ hướng dẫn Diệp Phúc H viết Giấy cam kết vay tiền.

Tổng số tiền Ngô Văn Đ đã thu lợi bất chính khi cho Diệp Phúc H vay tiền là: $2.721.911 \text{ đồng} + 4.571.223 \text{ đồng} + 5.260.267,5 \text{ đồng} = 12.553.401,5 \text{ đồng}$.

10. Trần Thị T

Ngày 27/02/2022, Trần Thị T vay Đông số tiền 20.000.000 đồng. Đông chỉ đạo Cường hướng dẫn Thoan làm thủ tục vay tiền, lãi suất 5000 đồng/triệu/ngày tương đương 182,5%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần là 1.000.000 đồng. Tính từ ngày 27/02/2022 đến 24/9/2022, Thoan đã trả cho Đông và Cường 15.000.000 đồng tiền lãi và 10.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $20.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 210 \text{ ngày} = 2.301.390 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $15.000.000 \text{ đồng} - 2.301.390 \text{ đồng} = 12.698.610 \text{ đồng}$.

Số tiền nợ gốc Thoan còn nợ Đông và Cường là 10.000.000 đồng, nhưng do trước đó Thoan trả thiếu 02 kì lãi tương ứng số tiền 2.000.000 đồng, nên Cường đã cộng thành tiền gốc là 12.000.000 đồng. Từ ngày 24/9/2022 đến ngày 09/10/2022, Thoan đã trả cho Đông và Cường 1.200.000 đồng tiền lãi, sau đó Cường không thu lãi nữa. Hiện Trần Thị T vẫn nợ Đông và Cường số tiền 12.000.000 đồng tiền gốc. Từ ngày 24/9/2022 đến ngày 09/10/2022, lãi suất Đông và Cường tính là 5000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 182,5%/năm. Do thỏa thuận ban đầu giữa Thoan và Đông, Cường là 10 ngày trả lãi một lần, việc Thoan trả lãi sớm hơn 04 ngày là do Thoan đang có tiền trong tài khoản chứ không làm thay đổi thỏa thuận ban đầu. Theo nguyên tắc có lợi cho bị can, Cơ quan điều tra vẫn tính số ngày Thoan phải trả lãi tương đương với hai kỳ tiền lãi là 20 ngày. Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $12.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ ngày} = 131.508 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $1.200.000 \text{ đồng} - 131.508 \text{ đồng} = 1.068.492 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền Ngô Văn Đ đã thu lợi bất chính khi cho Trần Thị T vay tiền là: $12.698.610 \text{ đồng} + 1.068.492 \text{ đồng} = 13.767.102 \text{ đồng}$.

11. Phạm Việt H

Ngày 06/3/2022, Phạm Việt H vay Đông số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 5000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 182,5%/năm. Đông chỉ đạo Đoàn làm thủ tục

cho vay và yêu cầu Hùng để lại một Giấy phép lái xe, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần là 1.250.000 đồng. Tính từ ngày 06/3/2022 đến ngày 06/4/2022, Hùng đã trả cho Đông và Đoàn 2.500.000 đồng tiền lãi. Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $25.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 32 \text{ ngày} = 438.360 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $2.500.000 \text{ đồng} - 438.360 \text{ đồng} = 2.061.640 \text{ đồng}$.

Ngày 07/4/2022, Hùng tiếp tục vay Đông số tiền 10.000.000 đồng, cộng với khoản vay cũ thành khoản vay mới là 35.000.000 đồng, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần là 1.750.000 đồng. Tính từ ngày 07/4/2022 đến ngày 17/6/2022, Hùng đã trả cho Đông và Đoàn 12.250.000 đồng tiền lãi, đồng thời trả gốc 20.000.000 đồng. Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $35.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 72 \text{ ngày} = 1.380.834 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $12.250.000 \text{ đồng} - 1.380.834 \text{ đồng} = 10.869.166 \text{ đồng}$.

Đối với khoản nợ 15.000.000 đồng còn lại, Đông tính lãi 5000 đồng/triệu/ngày, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần số tiền 750.000 đồng. Tính từ ngày 17/6/2022 đến ngày 07/11/2022, Hùng đã trả cho Đông và Đoàn 15.500.000 đồng tiền lãi, chưa trả tiền gốc. Theo nguyên tắc có lợi, tiền lãi hợp pháp sẽ được tính cho đến ngày các bị can bị bắt. Như vậy tính từ ngày 17/6/2022 đến ngày 15/11/2022, số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $15.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 152 \text{ ngày} = 1.249.326 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $15.500.000 \text{ đồng} - 1.249.326 \text{ đồng} = 14.250.674 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền Ngô Văn Đ đã thu lợi bất chính khi cho Phạm Việt H vay tiền là: $2.061.640 \text{ đồng} + 10.869.166 \text{ đồng} + 14.250.674 \text{ đồng} = 27.181.480 \text{ đồng}$.

12. Nông Trần H

Ngày 25/3/2022, Nông Trần H vay của Ngô Văn Đ thông qua Lã Kiên C số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 4000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 146%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần số tiền 1.200.000 đồng. Lã Kiên C yêu cầu Nông Trần H đặt lại 01 Căn cước công dân, 01 sổ hộ khẩu và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Kim N để làm tin. Từ ngày 25/3/2022 đến ngày 22/6/2022, Huy đã trả cho Cường 9.600.000 đồng tiền lãi; sau ngày 22/6/2022, Huy xin không trả lãi và nợ lại tiền gốc 30.000.000 đồng.

Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $30.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 90 \text{ ngày} = 1.479.465 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $9.600.000 \text{ đồng} - 1.479.465 \text{ đồng} = 8.120.535 \text{ đồng}$.

13. Phạm Văn P

Ngày 25/3/2022, Phạm Văn P vay Ngô Văn Đ số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 5000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 182,5%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần là 500.000 đồng. Từ ngày 25/3/2022 đến ngày 30/5/2022, Phạm Văn P đã trả cho Đông, Đoàn 10.000.000 đồng tiền vay gốc và 1.700.000 đồng tiền lãi. Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $10.000.000 \text{ đồng} \times$

547,95 đồng/1.000.000 đồng x 67 ngày = 367.126,5 đồng; số tiền lãi bất hợp pháp là 1.700.000 đồng - 367.126,5 đồng = 1.332.873,5 đồng.

Ngày 03/6/2022, Phạm Văn P vay Đông số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 5000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 182,5%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần là 750.000 đồng. Từ ngày 03/6/2022 đến ngày 25/6/2022, Phạm Văn P đã trả cho Đông và Đoàn 1.500.000 đồng tiền lãi. Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là 15.000.000 đồng x 547,95 đồng/1.000.000 đồng x 23 ngày = 189.042,75 đồng; số tiền lãi bất hợp pháp là 1.500.000 đồng - 189.042,75 đồng = 1.310.975,25 đồng.

Ngày 27/6/2022, Phạm Văn P vay Đông số tiền 10.000.000 đồng, cộng với số tiền nợ cũ thành món vay mới là 25.000.000 đồng, lãi suất 5000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 182,5%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 1 lần là 1.250.000 đồng. Từ ngày 27/6/2022 đến ngày 14/9/2022, Phạm Văn P đã trả cho Đông và Đoàn 25.000.000 đồng tiền gốc và 8.425.000 đồng tiền lãi. Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là 25.000.000 đồng x 547,95 đồng/1.000.000 đồng x 80 ngày = 1.095.900 đồng; số tiền lãi bất hợp pháp là 8.425.000 đồng - 1.095.900 đồng = 7.329.100 đồng.

Tổng số tiền Ngô Văn Đ đã thu lợi bất chính khi cho Phạm Văn P vay tiền là: 1.332.873,5 đồng + 1.310.975,25 đồng + 7.329.100 đồng = 9.972.930,75 đồng.

14. Nguyễn Thu T

Ngày 26/4/2022, Nguyễn Thu T vay Đông số tiền 30.000.000 đồng. Đông chỉ đạo Mạc Công Đ hướng dẫn Nguyễn Thu T viết giấy vay tiền, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 182,5%/năm. Từ ngày 26/4/2022 đến ngày 09/11/2022, Nguyễn Thu T đã trả cho Đông và Đoàn 28.500.000 đồng tiền lãi, chưa trả tiền gốc. Theo nguyên tắc có lợi cho bị can, tiền lãi hợp pháp sẽ được tính đến ngày các bị can bị bắt.

Như vậy tính từ ngày 26/4/2022 đến ngày 15/11/2022, số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là 30.000.000 đồng x 547,95 đồng/1.000.000 đồng x 204 ngày = 3.353.454 đồng; số tiền lãi bất hợp pháp là 28.500.000 đồng - 3.353.454 đồng = 25.146.546 đồng.

15. Hứa Trường G

Ngày 06/6/2022, Hứa Trường G vay Ngô Văn Đ số tiền 30.000.000 đồng. Đông chỉ đạo Lã Kiên C cho vay, không yêu cầu phải cầm cố thế chấp tài sản gì, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 182,5%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả 1.500.000 đồng. Từ ngày 06/6/2022 đến ngày 15/8/2022, Hứa Trường G đã trả cho Ngô Văn Đ và Lã Kiên C 7.500.000 đồng tiền lãi và 20.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ tiền gốc 10.000.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là 30.000.000 đồng x 547,95 đồng/1.000.000 đồng x 71 ngày = 1.167.133,5 đồng; tiền lãi bất hợp pháp là 7.500.000 đồng - 1.167.133,5 đồng = 6.332.866,5 đồng.

Đối với số tiền gốc 10.000.000 đồng, ngày 25/8/2022, Hứa Trường G đã chuyển khoản trả được 01 lần 500.000 đồng tiền lãi, sau đó xin không trả lãi nữa. Hiện Hứa Trường G vẫn nợ Đông tiền gốc 10.000.000 đồng. Từ ngày 15/8/2022 đến ngày 25/8/2022, số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $10.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ ngày} = 60.274,5 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $500.000 \text{ đồng} - 60.274,5 \text{ đồng} = 439.725,5 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền Ngô Văn Đ đã thu lợi bất chính khi cho Hứa Trường G vay tiền là: $6.332.866,5 \text{ đồng} + 439.725,5 \text{ đồng} = 6.772.592 \text{ đồng}$.

16. Nguyễn Thị L A

Ngày 04/7/2022, Nguyễn Thị L A vay Ngô Văn Đ số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 5000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 182,5%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi một lần là 1.000.000 đồng. Ngô Văn Đ chỉ đạo Lã Kiên C hướng dẫn Nguyễn Thị L A viết giấy vay tiền và yêu cầu Lan Anh để lại Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu. Tính đến ngày 04/9/2022, Nguyễn Thị L A đã trả cho Lã Kiên C tiền lãi 6.000.000 đồng, đồng thời trả hết gốc cho Ngô Văn Đ. Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $20.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 63 \text{ ngày} = 690.417 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $6.000.000 \text{ đồng} - 690.417 \text{ đồng} = 5.309.583 \text{ đồng}$.

17. Triệu Văn K

Ngày 25/7/2022, Triệu Văn K vay Ngô Văn Đ số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 3000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,5%, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần số tiền 900.000 đồng. Khoản vay này Đông giao cho Lã Kiên C thu tiền. Đến ngày 13/10/2022, Triệu Văn K đã trả cho Đông và Cường số tiền lãi là 7.000.000 đồng và toàn bộ tiền gốc. Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $30.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 81 \text{ ngày} = 1.331.518,5 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $7.000.000 \text{ đồng} - 1.331.518,5 \text{ đồng} = 5.668.481,5 \text{ đồng}$.

18. Nguyễn Đình T

Tháng 7/2022, Nguyễn Đình T vay Ngô Văn Đ số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 3000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,5%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi một lần số tiền lãi 900.000 đồng. Ngô Văn Đ giao cho Lã Kiên C thu nợ khoản vay này và yêu cầu Nguyễn Đình T phải cầm cố 01 Giấy phép lái xe ô tô. Đến tháng 8/2022, Nguyễn Đình T đã trả cho Đông và Cường số tiền lãi là 4.500.000 đồng và toàn bộ tiền gốc. Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $30.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 50 \text{ ngày} = 821.925 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $4.500.000 \text{ đồng} - 821.925 \text{ đồng} = 3.678.075 \text{ đồng}$.

19. Vũ Văn T

Ngày 05/8/2022, Vũ Văn T vay Đông số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 5000 đồng/triệu/ngày, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần là 1.500.000 đồng. Từ ngày 05/8/2022 đến ngày 15/10/2022, Vũ Văn T đã trả cho Đông và Đoàn số

tiền lãi 8.500.000 đồng. Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $30.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 72 \text{ ngày} = 1.183.572 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $8.500.000 \text{ đồng} - 1.183.572 \text{ đồng} = 7.316.428 \text{ đồng}$.

Từ ngày 05/10/2022 đến ngày 22/10/2022, Đông và Đoàn không tính lãi khoản vay 30.000.000 đồng. Đến ngày 22/10/2022, Vũ Văn T vay Đông số tiền 70.000.000 đồng, cộng với khoản vay cũ thành khoản vay mới là 100.000.000 đồng, lãi suất 4000 đồng/triệu/ngày, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 1 lần là 4.000.000 đồng. Từ ngày 22/10/2022 đến ngày 13/11/2022, Vũ Văn T đã trả cho Đông và Đoàn 8.000.000 đồng tiền lãi, chưa trả tiền gốc.

Cả hai lần vay trên, Ngô Văn Đ đều chỉ đạo Mạc Công Đ hướng dẫn Thắng viết giấy cam kết, yêu cầu Thắng để lại sổ hộ khẩu, theo dõi các khoản vay của Thắng và đi thu nợ.

Theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, tiền lãi hợp pháp sẽ được tính cho đến ngày các bị cáo bị bắt. Như vậy tính từ ngày 22/10/2022 đến ngày 15/11/2022, số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $100.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày} = 1.369.875 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $8.000.000 \text{ đồng} - 1.369.875 \text{ đồng} = 6.630.125 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền Ngô Văn Đ đã thu lợi bất chính khi cho Vũ Văn T vay tiền là: $7.316.428 \text{ đồng} + 6.630.125 \text{ đồng} = 13.946.553 \text{ đồng}$.

20. Nguyễn Thị L

Ngày 26/8/2022, Nguyễn Thị L vay Ngô Văn Đ số tiền 20.000.000 đồng. Ngô Văn Đ chỉ đạo Cường làm thủ tục cho vay và yêu cầu Lan đặt lại 01 Quyết định nâng lương, thỏa thuận lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 146%/năm thỏa thuận, 10 ngày trả lãi 01 lần là 800.000 đồng. Từ ngày 26/8/2022 đến ngày 06/9/2022, Nguyễn Thị L đã trả cho Đông và Cường số tiền lãi 800.000 đồng và trả hết tiền gốc. Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $20.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 11 \text{ ngày} = 131.508 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $800.000 \text{ đồng} - 131.508 \text{ đồng} = 668.492 \text{ đồng}$.

Ngày 09/9/2022, Nguyễn Thị L vay Cường số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 4000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 146%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần là 800.000 đồng. Từ ngày 09/9/2022 đến ngày 21/10/2022, Nguyễn Thị L đã trả cho Đông và Cường số tiền lãi 3.200.000 đồng và vẫn nợ tiền gốc. Theo nguyên tắc có lợi cho bị can, tiền lãi hợp pháp sẽ được tính cho đến ngày các bị can bị bắt. Như vậy tính từ ngày 09/9/2022 đến ngày 15/11/2022, số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $20.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 68 \text{ ngày} = 745.212 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $3.200.000 \text{ đồng} - 745.212 \text{ đồng} = 2.454.788 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền Ngô Văn Đ đã thu lợi bất chính khi cho Nguyễn Thị L vay tiền là: $668.492 \text{ đồng} + 2.454.788 \text{ đồng} = 3.123.280 \text{ đồng}$.

21. Hà Quốc L

Ngày 30/8/2022, Hà Quốc L vay Đông số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 3000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 109,5%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần số tiền 3.000.000 đồng. Từ ngày 30/8/2022 đến tháng 11/2022, Hà Quốc L đã trả cho Đông số tiền lãi là 18.000.000 đồng. Hiện Hà Quốc L vẫn nợ Đông tiền gốc. Theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, tiền lãi hợp pháp sẽ được tính đến ngày các bị cáo bị bắt. Như vậy tính từ ngày 30/8/2022 đến ngày 15/11/2022, số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $100.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 78 \text{ ngày} = 4.274.010 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $18.000.000 \text{ đồng} - 4.274.010 \text{ đồng} = 13.725.990 \text{ đồng}$.

22. Mạc Hồng H

Ngày 30/9/2022, Mạc Hồng H vay Đông số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 182,5%/năm, thỏa thuận 10 ngày trả lãi 01 lần 500.000 đồng. Ngô Văn Đ chỉ đạo Mạc Công Đ làm thủ tục vay và yêu cầu để lại 01 căn cước công dân và sổ hộ khẩu mang tên Mạc Thế D. Từ ngày 30/9/2022 đến ngày 15/11/2022, Mạc Hồng H đã trả cho Ngô Văn Đ và Đoàn số tiền lãi là 2.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc. Như vậy số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng là $10.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 47 \text{ ngày} = 257.536,5 \text{ đồng}$; tiền lãi bất hợp pháp là $2.000.000 \text{ đồng} - 257.536,5 \text{ đồng} = 1.742.463,5 \text{ đồng}$.

23. Đinh Công C

Ngày 17/10/2022, Đinh Công C vay của Ngô Văn Đ số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5000 đồng/triệu/ngày, tương ứng 182,5%/năm, 10 ngày trả lãi 01 lần là 1.000.000 đồng. Ngô Văn Đ chỉ đạo Cường cho vay, yêu cầu Đinh Công C để lại 01 Bằng cử nhân Luật học và 01 sổ hộ khẩu. Từ ngày 17/10/2022 đến ngày 05/11/2022, Đinh Công C đã trả cho Đông và Cường được số tiền lãi 2.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc.

Tính từ ngày 17/10/2022 đến ngày 15/11/2022, số tiền lãi hợp pháp mà Ngô Văn Đ được hưởng từ việc cho Đinh Công C vay tiền là $20.000.000 \text{ đồng} \times 547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng} \times 30 \text{ ngày} = 328.770 \text{ đồng}$; số tiền lãi bất hợp pháp là $2.000.000 \text{ đồng} - 328.770 \text{ đồng} = 1.671.230 \text{ đồng}$.

Tổng cộng số tiền thu lợi bất chính của Ngô Văn Đ đối với 23 người vay nói trên là: $134.999.755 \text{ đồng} + 210.164.000 \text{ đồng} + 46.523.213,5 \text{ đồng} + 55.713.630,5 \text{ đồng} + 25.146.546 \text{ đồng} + 5.309.583 \text{ đồng} + 12.553.401,5 \text{ đồng} + 13.946.553 \text{ đồng} + 27.181.480 \text{ đồng} + 22.504.079 \text{ đồng} + 62.082.105 \text{ đồng} + 13.767.102 \text{ đồng} + 8.120.535 \text{ đồng} + 5.668.481,5 \text{ đồng} + 1.671.230 \text{ đồng} + 6.772.592 \text{ đồng} + 1.742.463,5 \text{ đồng} + 3.123.280 \text{ đồng} + 45.623.231 \text{ đồng} + 10.298.610 \text{ đồng} + 9.972.930,75 \text{ đồng} + 13.725.990 \text{ đồng} + 3.678.075 \text{ đồng} = 740.288.867,25 \text{ đồng (làm tròn là 740.289.000 đồng)}$

Trong đó, Lã Kiên C đã hỗ trợ Ngô Văn Đ thu lợi bất chính của 15 người vay với số tiền: $60.739.575 \text{ đồng} + 210.164.000 \text{ đồng} + 46.523.213,5 \text{ đồng} + 55.713.630,5 \text{ đồng} + 5.309.583 \text{ đồng} + 22.504.079 \text{ đồng} + 13.767.102 \text{ đồng} +$

8.120.535 đồng + 5.668.481,5 đồng + 1.671.230 đồng + 6.772.592 đồng + 3.123.280 đồng + 45.623.231 đồng + 10.298.610 đồng + 3.678.075 đồng = 499.677.217,5 đồng, làm tròn là 499.677.000đồng.

Mạc Công Đ đã hỗ trợ Ngô Văn Đ thu lợi bất chính của 06 người vay với số tiền: 25.146.546 đồng + 12.553.401,5 đồng + 13.946.553 đồng + 27.181.480 đồng + 1.742.463,5đồng + 9.972.930,75đồng = 90.543.374,75 đồng, làm tròn là 90.543.000đồng.

Ngoài 23 người vay nói trên, Ngô Văn Đ còn cho một số người trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn vay tiền, đều có mức lãi suất dưới 100%/năm, không cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Quá trình điều tra xác định Đào Tuấn Đ là người làm thuê cho Ngô Văn Đ từ tháng 3/2020 đến tháng 6/2021, làm thủ tục cho khách vay, theo dõi các khoản vay để nhắc nợ, đòi nợ. Tuy nhiên, các khoản vay mà Đào Tuấn Đ đi thu nợ chưa đủ cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Trong quá trình thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, Ngô Văn Đ nhiều lần yêu cầu Tô Thị Quỳnh G thực hiện các giao dịch chuyển tiền từ số tài khoản của Giang đến nhiều tài khoản khác. Quá trình điều tra xác định, Tô Thị Quỳnh G không biết việc chuyển tiền trên liên quan đến hành vi Cho vay lãi nặng của Ngô Văn Đ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với Tô Thị Quỳnh G.

Ngày 15/11/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Ngô Văn Đ, Lã Kiên C , Mạc Công Đ và thu giữ nhiều vật chứng có liên quan đến vụ án. Cụ thể:

Đồ vật thu giữ của Ngô Văn Đ bao gồm:

- 01 (một) điện thoại Iphone 11, số Imei: 353984103787816; bên trong lắp 01 sim Viettel, trên sim có dãy số: 8984 04800 03800 00959.

- 01 (một) điện thoại Iphone 11 Promax, số Imei: 353955101055257; bên trong lắp 01 sim Vinaphone, trên sim có dãy số: 89840 20001 09486 34548.

- 01 (một) thẻ ngân hàng Techcombank, số thẻ: 422149866398, chủ tk: Tô Thị Quỳnh G.

- 01 (một) thẻ ngân hàng Vietcombank, số thẻ: 4283104105748297, chủ tk: Ngô Văn Đ.

- 01 (một) thẻ ngân hàng Mbank, số thẻ: 4089041036012573, chủ tk: Ngô Văn Đ.

- 01 (một) thẻ ngân hàng Viettinbank, số thẻ: 4026490003104341, chủ tk: Ngô Văn Đ.

- 257.700.000VNĐ (Hai trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng)

- 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC376818 mang tên Ngô Văn Đ

- 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC395406 mang tên Ngô Văn Đ và Tô Thị Quỳnh G

- 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC695787 mang tên Ngô Văn Đ và Tô Thị Quỳnh G

- 01 (một) giấy đăng kí xe mang tên Vũ Thị Mỹ Linh, BKS: 12A – 035.91

Đồ vật thu giữ của Lã Kiên C bao gồm:

- 01 (một) điện thoại Iphone 12 Promax màu đen, Imei 1: 353730396091865, Imei 2: 353730396186145 bên trong gắn 01 sim kỹ thuật số, có số thuê bao 0355557099.

- 01 (một) điện thoại Nokia màu đen Imei 1: 359097701129325, Imei 2: 359097701629324 bên trong lắp 01 sim có dãy số 898404800091421800.

- 01 (một) căn cước công dân mang tên Hoàng Thái D.

- 01 (một) căn cước công dân mang tên Vũ Thị Khánh C.

- 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Dương Văn Đ .

- 01 (một) căn cước công dân mang tên Nguyễn Tiến M.

- 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn K.

- 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị L A.

- 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lã Kiên C .

- 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Tiến M.

- 01 (một) sổ bảo hiểm mang tên Phương Thị N

- 01 (một) quyển sổ có hình 5 cô gái, trên bìa có chữ “girl day K-POP”

- 01 (một) quyển sổ quản lý dịch vụ cầm đồ, bên trong có 04 trang chứa nội dung

- 01 (một) quyển sổ quản lý kinh doanh dịch vụ cầm đồ, bên trong có 02 trang chứa nội dung.

- 01 (một) quyển sổ bìa màu xanh bị rách, bên trong có 11 trang chứa nội dung.

- 01 (một) bằng cử nhân ngành luật học mang tên Đinh Công C

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 370123806 mang tên Đinh Công C, nơi thường trú: Thôn Co M, xã M, thành phố L;

- 01 Quyết định về việc nâng bậc lương năm 2020 số 916/QĐ –UBND của UBND huyện Cao Lộc ký ngày 24/3/2020 cho Nguyễn Thị L, viên chức trường mầm non xã Xuân Long; 01 Quyết định số 2146/QĐ –UBND ngày 23/7/2020 của UBND huyện Cao Lộc về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức kế toán cho bà Nguyễn Thị L từ trường mầm non xã Xuân Long đến trường THCS xã Yên Trạch;

Đồ vật thu giữ của Đào Tuấn Đ bao gồm: 01 (một) điện thoại di động Oppo màu đen, số Imei 1: 865413048332315, Imei 2: 865413048332307 lắp 01 sim số thuê bao 0339803444.

Đồ vật thu giữ của Mạc Công Đ bao gồm:

- 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Kim N.
- 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lô Văn D.
- 71 (một) Chứng minh nhân dân, 04 (Bốn) Căn cước công dân, 19 (Mười chín) Giấy đăng ký xe, 10 (Mười) Giấy phép lái xe, 07 (Bảy) sổ tạm trú, 49 (Bốn chín) sổ hộ khẩu;
- 01 (một) hộ chiếu số B5478547 của Hoàng Thu H (sinh năm: 1976; số GCMND: 080986283).
- 01 (một) Giấy thông hành xuất cảnh số 587614B của Hải Thị N (sinh năm 1975; chỗ ở: ngõ 16, đường Nguyễn D, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại 01 Giấy đăng ký xe mang tên Vũ Thị Mỹ Linh, biển kiểm soát 12A – 035.91 cho chủ sở hữu.

Tại Cáo trạng số 43/CT-VKSLS-P1 ngày 14/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Ngô Văn Đ, Lã Kiên C về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Mạc Công Đ về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Ngô Văn Đ còn trình bày toàn bộ số tiền bị cáo sử dụng cho vay là của riêng bị cáo có được do tích góp từ trước, không ai cùng góp vốn, số tiền được quay vòng để cho vay. Riêng đối với bà Trần Thị T, đầu tiên bị cáo cho vay 20.000.000đồng, sau đó do bà Trần Thị T nợ 2.000.000đồng tiền lãi nên bị cáo và bà Trần Thị Toan thỏa thuận tính tiền nợ lãi vào nợ gốc, do đó tổng số tiền bà Trần Thị T vay của bị cáo là 22.000.000đồng. Hiện nay bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính cho người vay tổng số tiền là 740.289.000đồng, đồng thời bị cáo đã nộp số tiền sử dụng cho vay, tiền phát sinh từ việc cho vay tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn với tổng số tiền là 565.500.000đồng. Đối với số tiền 257.700.000đồng bị cáo bị thu giữ khi cơ quan điều tra khám xét, nguồn gốc số tiền này là của người vay trả nợ cho bị cáo.

Bị cáo Lã Kiên C trình bày bị cáo đã làm thuê cho bị cáo Ngô Văn Đ với công việc thực hiện các thủ tục cho vay, nhắc nợ, thu nợ đối với nhiều người vay, sau khi thu được tiền thì bị cáo tổng hợp lại đưa cho bị cáo Ngô Văn Đ, còn giấy tờ giữ của người vay bị cáo đưa lại cho bị cáo Mạc Công Đ cất giữ. Việc theo dõi các khoản vay được bị cáo ghi chép theo dõi trên điện thoại Iphone 12, chiếc điện thoại Nokia bị Công an thu giữ bị cáo mới mua về chỉ để nghe gọi, không sử dụng trong việc cho vay.

Bị cáo Mạc Công Đ trình bày bị cáo làm thuê cho bị cáo Ngô Văn Đ từ giữa năm 2022 công việc giống như của bị cáo Lã Kiên C , bị cáo không bị thu giữ tài sản gì, toàn bộ giấy tờ bị thu giữ là của bị cáo Ngô Văn Đ đưa cho bị cầm và để ở trong tủ phòng ngủ của bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Tô Thị Quỳnh Gtrình bày chỉ là vợ của bị cáo Ngô Văn Đ, vợ chồng chỉ sử dụng chung tài khoản ngân hàng, chỉ được nhiều lần nhận, chuyển tiền giúp bị cáo Ngô Văn Đ nhưng chỉ không biết việc bị cáo Ngô Văn Đ cho vay lãi nặng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là người vay tiền đều vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, người vay tiền đều trình bày đã được bị cáo Ngô Văn Đ trả lại số tiền lãi vượt quá mức lãi theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, trong đó trình bày bổ sung tổng số tiền sử dụng vào việc cho vay được xác định là 1.482.000.000đồng, do bị cáo Ngô Văn Đ xác định cho bà Trần Thị T vay số tiền 22.000.000đồng, không phải số tiền 20.000.000đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo đều phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Về hình phạt:

+ Đối với bị cáo Ngô Văn Đ: Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, 46; 55, 56, 58 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt từ 10 - 16 tháng tù, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam của bị cáo, tổng hợp hình phạt chưa chấp hành của Bản án số 45/2022/HS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

Phạt bổ sung bị cáo Ngô Văn Đ từ 30.000.000đồng đến 40.000.000đồng.

+ Đối với bị cáo Lã Kiên C : Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, 46; 55, 56, 58 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt từ 09 - 12 tháng tù, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam của bị cáo, tổng hợp hình phạt chưa chấp hành của Bản án số 45/2022/HS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lã Kiên C .

+ Đối với bị cáo Mạc Công Đ: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 36, Điều 46, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 18 đến 20 tháng tù cải tạo không giam giữ.

Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự, đề nghị:

Buộc bị cáo Ngô Văn Đ phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền gốc sử dụng vào việc cho vay mà người vay đã trả cho bị cáo với số tiền là 686.000.000

đồng và nộp số tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm với số tiền là 137.286.000đồng. Tổng cộng số tiền bị cáo Ngô Văn Đ phải nộp ngân sách nhà nước là 823.286.000đồng, bị cáo được trừ vào số tiền đã nộp 565.500.000đ và số tiền bị tịch thu 257.700.000đ có tổng số tiền là 823.200.000đồng, do đó truy thu của bị cáo tiếp số tiền 86.000đồng.

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền nợ gốc chưa trả cho bị cáo Ngô Văn Đ với tổng số tiền 796.000.000đồng, trong đó Đàm Ngọc O phải nộp số tiền 185.000.000đồng; Nguyễn Tổ N nộp 100.000.000đồng; Chu Thị Hồng L nộp 40.000.000đồng; Nông Thị Bích N 40.000.000đồng; Hoàng Thị K A nộp 19.000.000đồng; Nguyễn Thị H nộp 40.000.000đồng; Diệp Phúc H nộp 25.000.000đồng; Trần Thị T nộp 12.000.000đồng; Phạm Việt H nộp 15.000.000đồng; Nông Trần H nộp 30.000.000đồng; Nguyễn Thu T nộp 30.000.000đồng; Hứa Trường G nộp 10.000.000đồng; Vũ Văn T nộp 100.000.000đồng; Nguyễn Thị L nộp 20.000.000đồng; Hà Quốc L nộp 100.000.000đồng; Mạc Hồng H nộp 10.000.000đồng; Đinh Công C nộp 20.000.000đồng.

Xác nhận bị cáo Ngô Văn Đ đã thực hiện việc trả tiền thu lợi bất chính cho 23 người vay với tổng số tiền là 740.289.000đồng.

- Về việc xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước các điện thoại di động thu giữ của các bị cáo, bao gồm: 01 (một) điện thoại Iphone 11, số Imei: 353984103787816; bên trong lắp 01 sim Viettel, trên sim có dãy số: 8984 04800 03800 00959; 01 (một) điện thoại Iphone 11 Promax, số Imei: 353955101055257; bên trong lắp 01 sim Vinaphone, trên sim có dãy số: 89840 20001 09486 34548; 01 (một) điện thoại Iphone 12 Promax màu đen, Imei 1: 353730396091865, Imei 2: 353730396186145 bên trong gắn 01 sim kỹ thuật số, có số thuê bao 0355557099; (một) điện thoại di động Oppo màu đen, số Imei 1: 865413048332315, Imei 2: 865413048332307 lắp 01 sim số thuê bao 0339803444. Đối với 01 (một) điện thoại Nokia màu đen Imei 1: 35907701129325, Imei 2: 35907701629324 bên trong lắp 01 sim có dãy số 898404800091421800 thu giữ của bị cáo Lã Kiên C không sử dụng vào việc phạm tội đề nghị trả lại cho bị cáo.

Các vật chứng còn lại là 04 quyển sổ ghi chép việc cho vay đề nghị tịch thu tiêu hủy bao gồm: 01 (một) quyển sổ có hình 5 cô gái, trên bìa có chữ “girl day K-POP”; 01 (một) quyển sổ quản lý dịch vụ cầm đồ, bên trong có 04 trang chứa nội dung; 01 (một) quyển sổ quản lý kinh doanh dịch vụ cầm đồ, bên trong có 02 trang chứa nội dung; 01 (một) quyển sổ bìa màu xanh bị rách, bên trong có 11 trang chứa nội dung;

- Đối với số tiền 257.700.000đồng, là số tiền bị cáo Đông nhận được từ người vay trả nợ gốc, do đó tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy các thẻ ngân hàng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị cáo Ngô Văn Đ, chị Tô Thị Quỳnh Gnhung tạm giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo thi hành án; Đối với các vật chứng thu giữ là giấy tờ của người vay, đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, chứng minh nhân dân là giấy tờ không còn giá trị; đối với căn cước công dân và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy tờ đăng ký xe, giấy phép lái xe, sổ bảo hiểm, giấy tờ nâng bậc lương trả lại cho những người liên quan có tên trên giấy tờ.

Các Bị cáo đều phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo Ngô Văn Đ và Lê Kiên C đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về gia đình và xã hội, bị cáo Mạc Công Đ trình bày đã biết hành vi của mình vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, có lời khai trong quá trình điều tra, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là người vay tiền đều có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở kết luận:

[4] Từ ngày 03/12/2020 đến 17/10/2022, bị cáo Ngô Văn Đ đã cho 23 người trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn vay tiền với lãi suất cao, dưới hai hình thức là trả lãi hàng ngày và bắt họ với tổng số tiền cho vay là 1.482.000.000 đồng, lãi suất từ 109,5% - 182,5%/năm, cao hơn 5,45 lần đến 9,1 lần so với quy định của Bộ luật Dân sự, tiền thu lợi bất chính là 740.288.867 đồng, tiền lãi bị cáo Ngô Văn Đ thu của người vay đúng quy định của Bộ luật Dân sự là 137.286.129 đồng. Số tiền nợ gốc người vay đã trả cho bị cáo Ngô Văn Đ là 686.000.000 đồng; người vay còn nợ gốc số tiền là 796.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

[5] Ngô Văn Đ cho Đàm Ngọc O vay 03 lần với tổng số tiền 300.000.000đồng, lãi suất 109,5% đến 182,5%, thu lời bất chính số tiền là 134.999.755đồng.

[6] Nguyễn Tô N vay 100.000.000đồng, lãi suất 146%, thu lời bất chính 62.082.105 đồng;

[7] Vũ Thanh H vay 70.000.000đồng, lãi suất 109,5%, thu lời bất chính 10.298.610đồng;

[8] Chu Thị Hồng L vay tổng 40.000.000đồng, lãi suất 182,5%, thu lời bất chính số tiền là 46.523.213đồng;

[9] Dương Văn Đ vay 3 lần tổng là 300.000.000đồng, lãi suất từ 109,5% đến 146%, thu lời bất chính số tiền là 210.164.000 đồng.

[10] Nông Thị Bích N vay 40.000.000đồng, lãi suất 182,5%, thu lời bất chính 55.713.630đồng;

[11] Hoàng Thị K A vay 20.000.000đồng, lãi suất 182,5%, thu lời bất chính 22.504.079 đồng;

[12] Nguyễn Thị H vay 55.000.000đồng, lãi suất 182.5%, thu lời bất chính 45.623.231đồng;

[13] Diệp Phúc H vay 25.000.000đồng, lãi suất 182.5%, thu lời bất chính 12.553.402đồng;

[14] Trần Thị T vay 22.000.000đồng, lãi suất 182.5%, thu lời bất chính 13.767.102đồng;

[15] Phạm Việt Hung vay 35.000.000đồng, lãi suất 182.5%, thu lời bất chính 27.181.480đồng;

[16] Nông Trần H vay 30.000.000đồng, lãi suất 146%, thu lời bất chính 8.120.535đồng;

[17] Phạm Văn P vay 35.000.000đồng, lãi suất 182.5%, thu lời bất chính 9.972.931đồng;

[18] Nguyễn Thu T vay 30.000.000đồng, lãi suất 182.5%, thu lời bất chính 25.146.546đồng;

[19] Hứa Trường G vay 30.000.000đồng, lãi suất 182.5%, thu lời bất chính 6.772.592đồng;

[20] Nguyễn Thị L A vay 20.000.000đồng, lãi suất 182.5%, thu lời bất chính 5.309.583đồng;

[21] Triệu Văn K vay 30.000.000đồng, lãi suất 109.5%, thu lời bất chính 5.668.482đồng;

[22] Nguyễn Đình T vay 30.000.000đồng, lãi suất 182.5%, thu lời bất chính 3.678.075đồng;

[23] Vũ Văn T vay 100.000.000đồng, lãi suất từ 146% đến 182.5%, thu lời bất chính 13.946.553đồng;

[24] Nguyễn Thị L vay 40.000.000đồng, lãi suất 146%, thu lời bất chính 3.123.280đồng;

[25] Hà Quốc L vay 100.000.000đồng, lãi suất 109.5%, thu lời bất chính 13.725.990đồng;

[26] Mạc Hồng H vay 10.000.000đồng, lãi suất 182.5%, thu lời bất chính 1.742.464đồng;

[27] Đinh Công C vay 20.000.000đồng, lãi suất 182.5%, thu lời bất chính 1.671.230đồng.

[28] Bị cáo Ngô Văn Đ cho 23 người vay tiền nhiều lần, trong đó cho 05 người vay là Đàm Ngọc O , Nguyễn Tổ N , Dương Văn Đ , Nông Thị Bích N , Chu Thị Hồng L để hưởng số tiền thu lời bất chính trên 30.000.000đồng. Quá trình cho vay, Ngô Văn Đ thuê Lã Kiên C , Mạc Công Đ giúp sức trong việc làm thủ tục cho khách vay, viết giấy vay, nhắc nợ, đòi nợ, nhận tiền trả tiền lãi hoặc gốc và được trả lương theo tháng. Trong đó, bị cáo Lã Kiên C giúp sức cho bị cáo Ngô Văn Đ để thu lợi bất chính số tiền 499.677.217 đồng, bị cáo Mạc Công Đ giúp sức cho bị cáo Ngô Văn Đ thu lợi bất chính số tiền 90.543.374 đồng.

[29] Hành vi trên của các bị cáo Ngô Văn Đ, Lã Kiên C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Mạc Công Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[30] Hành vi cho vay lãi nặng của các bị cáo đã xâm phạm đến việc quản lý kinh tế của Nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ, làm lũng đoạn chính sách tín dụng của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho nhiều gia đình lâm vào cảnh điêu đứng là nguyên nhân phát sinh tệ nạn khác, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây nguy hiểm cho xã hội, làm gia tăng tội phạm khác. Các bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức việc cho vay với lãi suất cao của mình là vi phạm pháp luật, hơn nữa bị cáo Ngô Văn Đ và bị cáo Lã Kiên C còn đã từng bị kết án về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhưng chỉ vì lợi nhuận trước mắt mà vẫn cố ý thực hiện.

[31] Bị cáo Ngô Văn Đ có vai trò chính trong vụ án, bị cáo là người trực tiếp sử dụng tiền cho vay và hưởng lợi từ việc cho vay lãi nặng, bị cáo trả tiền công cho bị cáo Lã Kiên C và Mạc Công Đ để giúp bị cáo làm thủ tục cho vay, thu nợ, nhắc nợ, vì vậy xác định bị cáo Lã Kiên C và Mạc Công Đ đều là đồng phạm vai trò giúp sức trong vụ án trong đó bị cáo Lã Kiên C giúp bị cáo Ngô Văn Đ thực hiện việc cho vay nhiều lần hơn, nên có vai trò giúp sức tích cực hơn Mạc Công Đ.

[32] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[33] Các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên cả ba bị cáo đều hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[34] Đối với bị cáo Ngô Văn Đ, đã ủng hộ quỹ nhân đạo, tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam số tiền 5.000.000 đồng, có ông ngoại là ông Hà Văn Cư được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Nhất và Hạng Nhì và có thành tích phục vụ trong quân đội; ngoài ra, bị cáo đã tự nguyện trả lại toàn bộ số tiền lãi vượt quá quy định cho người vay với tổng số tiền là 740.289.000đồng, bị cáo còn tự nguyện nộp số tiền 565.500.000đồng tại cơ quan thi hành án dân sự để nộp ngân sách nhà nước là số tiền đã sử dụng cho vay; bị cáo Ngô Văn Đ được Trung tâm văn hóa thể thao thành phố Lạng Sơn xác nhận bị cáo từng là cầu thủ thuộc đội tuyển Bóng đá thành phố Lạng Sơn tham gia nhiều giải do tỉnh tổ chức, năm 2022 đội tuyển đã dành huy chương vàng tại Đại hội thể dục thể thao, bản thân bị cáo có nhiều ủng hộ cho đội bóng trong nhiều năm để tập luyện và thi đấu, do đó bị cáo Ngô Văn Đ còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bản án số 45/2022/HS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn thì ngày 15/11/2022 bị cáo bị phát hiện tiếp tục có hành vi phạm tội này và bị cáo có 02 lần trở lên cho vay lãi nặng với số tiền thu lời bất chính trên 30.000.000đồng, vì vậy, bị cáo phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[35] Đối với bị cáo Lã Kiên C , bị cáo có ông ngoại là Hứa Văn Biên được tặng thưởng huân chương kháng chiến, ông nội là Lã Và Sáng được tặng thưởng bằng khen do có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược, do đó bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo cũng đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bản án số 45/2022/HS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn thì ngày 15/11/2022 bị cáo bị phát hiện tiếp tục có hành vi phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và bị cáo giúp sức cho bị cáo Ngô Văn Đ thực hiện cho vay lãi nặng 02 lần trở lên có số tiền thu lời bất chính trên 30.000.000đồng, vì vậy, bị cáo Lã Kiên C cũng phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[36] Đối với bị cáo Mạc Công Đ, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[37] Về nhân thân, các bị cáo Ngô Văn Đ và Lã Kiên C là người có nhân thân chưa tốt do đã từng bị kết án chưa được xóa án tích; bị cáo Mạc Công Đ chưa từng bị kết án, bị xử lý hành chính, kỷ luật nên xác định có nhân thân tốt.

[38] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo, nhận thấy, cần thiết phải cách ly bị cáo Ngô Văn Đ và Lã Kiên C ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục cải tạo các bị cáo; đối với bị cáo Mạc Công Đ với tính chất phạm tội ít nghiêm trọng, theo quy định của Bộ luật Hình sự về khung hình phạt áp dụng với bị cáo không áp dụng hình phạt tù, do đó áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Mạc Công Đ với khoảng thời gian mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[39] Do bị cáo Ngô Văn Đ, Lã Kiên C chưa chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ theo bản án 45/2022/HS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ tổng hợp hình phạt chưa chấp hành của bản án trước vào hình phạt chính của bản án này theo quy định tại điều 55, 56 của Bộ luật Hình sự. Thời gian bị cáo Ngô Văn Đ, Lã Kiên C đã chấp hành theo bản án trước đều tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án là ngày 20/6/2022, đến ngày 14/11/2022 các bị cáo chấp hành được 148 ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy, bị cáo Ngô Văn Đ còn chưa chấp hành là 212 ngày cải tạo không giam giữ, quy đổi ra ngày tù là 70 ngày tù tương đương 02 tháng 10 ngày tù; bị cáo Lã Kiên C còn chưa chấp hành 122 ngày cải tạo không giam giữ quy đổi thành 40 ngày tù tương đương 01 tháng 10 ngày tù.

[40] Về việc áp dụng hình phạt bổ sung: Theo biên bản xác minh bị cáo Ngô Văn Đ có tài sản riêng, có khả năng thi hành hình phạt bổ sung, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; các bị cáo còn lại không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền nên không áp dụng đối với bị cáo Lã Kiên C và bị cáo Mạc Công Đ. Đối với bị cáo Mạc Công Đ không có thu nhập ổn định, cần miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[41] Về các biện pháp tư pháp:

[42] Đối với số tiền gốc bị cáo Ngô Văn Đ sử dụng để cho vay, bao gồm cả tiền nợ gốc mà những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay và chưa trả cho bị cáo được xác định là tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm nên cần tịch thu từ bị cáo Ngô Văn Đ và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là người vay để nộp ngân sách Nhà nước. Cụ thể: tịch thu của bị cáo Ngô Văn Đ số tiền nợ gốc những người vay đã trả cho bị cáo tổng số tiền là 686.000.000đồng, trong đó bị cáo Ngô Văn Đ đã bị thu giữ trước đó số tiền 257.700.000đồng, bị cáo trình bày tại phiên tòa số tiền này là tiền người vay đã trả nợ gốc, do vậy cần tính trừ 257.700.000đồng vào số tiền 686.000.000đồng, như vậy cần truy thu tiếp của bị cáo Ngô Văn Đ số tiền 428.300.000đồng. Đối với tiền nợ gốc người vay chưa trả tổng số tiền 796.000.000đồng cần tịch thu từ người vay, cụ thể là tịch thu của Đàm Ngọc O 185.000.000 đồng; Nguyễn Tố N : 100.000.000 đồng; Chu Thị Hồng L: 40.000.000 đồng; Nông Thị Bích N : 40.000.000 đồng; Hoàng Thị K A : 19.000.000 đồng; Nguyễn Thị H: 40.000.000 đồng; Diệp Phúc H : 25.000.000 đồng; Trần Thị T : 12.000.000 đồng; Phạm Việt H: 15.000.000 đồng; Nông Trần H: 30.000.000 đồng; Nguyễn Thu T:

30.000.000 đồng; Hứa Trường G: 10.000.000 đồng; Vũ Văn T: 100.000.000 đồng; Nguyễn Thị L: 20.000.000 đồng; Hà Quốc L: 100.000.000 đồng; Mạc Hồng H: 10.000.000 đồng; Đinh Công C: 20.000.000 đồng.

[43] Đối với khoản tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm mà bị cáo Ngô Văn Đ đã thu của người vay số tiền là 137.286.129 đồng là tiền phát sinh từ tội phạm cần tịch thu của bị cáo Ngô Văn Đ để nộp ngân sách nhà nước.

[44] Đối với khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền mà bị cáo Ngô Văn Đ thu lợi bất chính của người vay nên trả lại cho người vay. Tuy nhiên, tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, 23 người vay đều xác nhận đã được bị cáo Ngô Văn Đ trả lại toàn bộ số tiền lãi vượt quá quy định, cụ thể: Đàm Ngọc O được Ngô Văn Đ trả lại số tiền là 135.000.000 đồng; Nguyễn Tố N được trả lại 62.082.105 đồng; Vũ Thanh H được trả 10.298.610 đồng; Chu Thị Hồng L được trả 46.523.213 đồng; Dương Văn Đ được trả 210.164.000 đồng; Nông Thị Bích N đã được trả lại 55.713.630 đồng; Hoàng Thị K A được trả lại 22.504.079 đồng; Nguyễn Thị H được trả 45.623.231 đồng; Diệp Phúc H được trả 12.553.402 đồng; Trần Thị T được trả 13.767.102 đồng; Phạm Việt H được trả 27.181.480 đồng; Nông Trần H được trả 8.120.535 đồng; Phạm Văn P được trả 9.972.931 đồng; Nguyễn Thu T được trả 25.146.546 đồng; Hứa Trường G được trả 6.772.592 đồng; Nguyễn Thị L A được trả 5.309.583 đồng; Triệu Văn K được trả 5.668.482 đồng; Nguyễn Đình T được trả 3.678.075 đồng; Vũ Văn T được trả 13.946.553 đồng; Nguyễn Thị L được trả 3.123.280 đồng; Hà Quốc L được trả 13.725.990 đồng; Mạc Hồng H được trả 1.742.464 đồng; Đinh Công C được trả 1.671.230 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà Ngô Văn Đ đã trả cho người vay tiền thu lợi bất chính là 740.289.000 đồng, Hội đồng xét xử không xem xét việc buộc bị cáo phải trả lại cho người vay nữa.

[45] Về việc xử lý vật chứng:

[46] Đối với vật chứng là điện thoại thu giữ của các bị cáo và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Tuấn Đ gồm các điện thoại di động 01 (một) điện thoại Iphone 11, số Imei: 353984103787816; bên trong lắp 01 sim Viettel, trên sim có dãy số: 8984 04800 03800 00959; 01 (một) điện thoại Iphone 11 Promax, số Imei: 353955101055257; bên trong lắp 01 sim Vinaphone, trên sim có dãy số: 89840 20001 09486 34548; 01 (một) điện thoại Iphone 12 Promax màu đen, Imei 1: 353730396091865, Imei 2: 353730396186145 bên trong gắn 01 sim kỹ thuật số, có số thuê bao 0355557099; 01 (một) điện thoại di động Oppo màu đen, số Imei 1: 865413048332315, Imei 2: 865413048332307 lắp 01 sim số thuê bao 0339803444 xác định đều thực hiện để làm phương tiện liên lạc cho vay, nhắc nợ cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước; đối với 01 (một) điện thoại Nokia màu đen Imei 1: 35907701129325, Imei 2: 35907701629324 bên trong lắp 01 sim có dãy số 898404800091421800 thu giữ của bị cáo Lã Kiên C, không sử dụng vào việc phạm tội và không có căn cứ xác định tài sản được hình thành do tiền do phạm tội mà có nên trả lại cho bị cáo.

[47] Đối với 03 thẻ ngân hàng đã thu giữ của bị cáo Ngô Văn Đ và 01 thẻ ngân hàng thu giữ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tô Thị Quỳnh G,

quá trình điều tra xác định những thẻ ngân hàng bị thu giữ đều là thẻ của các tài khoản ngân hàng thực hiện việc cho vay, thu tiền nợ của bị cáo Ngô Văn Đ, có liên quan đến hành vi phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

[48] Đối với số tiền 257.700.000đồng thu giữ của bị cáo Ngô Văn Đ, có nguồn gốc là tiền người vay trả nợ gốc cho bị cáo, do đó cần tịch thu số tiền này và tính trừ vào số tiền người vay đã trả 686.000.000đồng cho bị cáo như phân tích ở trên.

[49] Đối với 01 (một) quyển sổ có hình 5 cô gái, trên bìa có chữ “girl day K-POP”; 01 (một) quyển sổ quản lý dịch vụ cầm đồ, bên trong có 04 trang chứa nội dung; 01 (một) quyển sổ quản lý kinh doanh dịch vụ cầm đồ, bên trong có 02 trang chứa nội dung; 01 (một) quyển sổ bìa màu xanh bị rách, bên trong có 11 trang chứa nội dung là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

[50] Đối với vật chứng là các giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, sổ tạm trú do không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy;

[51] Đối với các căn cước công dân, giấy phép lái xe, giấy đăng ký xe, sổ bảo hiểm, bằng cử nhân luật, giấy tờ nâng bậc lương, giấy thông hành, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ chiếu là giấy tờ của người vay còn có giá trị cần trả lại cho chủ sở hữu theo tên, địa chỉ có trên giấy tờ đó.

[52] Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chủ sử dụng Ngô Văn Đ và 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ngô Văn Đ và Tô Thị Quỳnh G, không có căn cứ chứng minh tài sản được hình thành do phạm tội mà có, vì vậy cần trả lại cho bị cáo Ngô Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tô Thị Quỳnh G, tuy nhiên cần tạm giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chủ sử dụng Ngô Văn Đ để đảm bảo thi hành án.

[53] Đối với các Lệnh phong tỏa tài khoản cơ quan điều tra đã áp dụng đối với chị Tô Thị Quỳnh G, bị cáo Ngô Văn Đ và bị cáo Lã Kiên C, xét thấy, chị Tô Thị Quỳnh G và bị cáo Lã Kiên C không bị phạt tiền hoặc bồi thường thiệt hại nên hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản đối với tài khoản của chị Tô Thị Quỳnh Giang, bị cáo Lã Kiên C; đối với tài khoản của bị cáo Ngô Văn Đ, xét thấy đã tạm giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị cáo để đảm bảo thi hành án nên không cần thiết duy trì lệnh phong tỏa tài khoản đối với bị cáo Ngô Văn Đ.

[54] Một số nội dung có liên quan khác:

[55] Đối với Đào Tuấn Đ là người làm thuê cho bị cáo Ngô Văn Đ từ tháng 3/2020 đến tháng 6/2021, làm thủ tục cho khách vay, theo dõi các khoản vay đề nhắc nợ, đòi nợ. Tuy nhiên, các khoản vay mà Đào Tuấn Đ đi thu nợ chưa đủ cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[56] Đối với chị Tô Thị Quỳnh G do không biết việc chuyển tiền giúp bị cáo Ngô Văn Đ có liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[57] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[58] Xét thấy các nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, 55, 56, 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Văn Đ;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, 55, 56, 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lã Kiên C ;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 36, Điều 46, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Mạc Công Đ.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; Điều 130; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Văn Đ, Lã Kiên C , Mạc Công Đ phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Ngô Văn Đ 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, thời hạn chấp hành hình phạt tù được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 15/11/2022 đến ngày 09/02/2023.

Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Ngô Văn Đ số tiền là 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Tổng hợp hình phạt chưa chấp hành của Bản án số 45/2022/HS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Bị cáo Ngô Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung là 12 (mười hai) tháng 10 (mười) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 15/11/2022 đến ngày 09/02/2023 (86 ngày).

2.2 Xử phạt bị cáo Lã Kiên C 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, thời hạn chấp hành hình phạt tù được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 15/11/2022 đến ngày 09/02/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tổng hợp hình phạt chưa chấp hành theo Bản án số 45/2022/HS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Bị cáo Lã Kiên C phải chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) tháng 10 (mười) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, thời hạn chấp hành hình phạt tù được trừ thời gian tạm giam từ ngày 15/11/2022 đến ngày 09/02/2023 (86 ngày).

2.3 Xử phạt bị cáo Mạc Công Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

3.1 Buộc bị cáo Ngô Văn Đ phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền gốc sử dụng vào việc cho vay với số tiền là 686.000.000đồng và nộp số tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm với số tiền là 137.286.000đồng. Tổng số tiền bị cáo Ngô Văn Đ phải nộp là 823.286.000đồng (tám trăm hai mươi ba triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Được trừ vào số tiền 257.700.000đồng (hai trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) bị cáo bị tịch thu tại mục **3.4** và được trừ vào tổng số tiền 565.500.000đồng (năm trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) bị cáo Ngô Văn Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0001430 ngày 04/4/2023; Biên lai thu tiền số AA/2021/0001472 ngày 01/6/2023 và Biên lai thu tiền số AA/2021/0001486 ngày 03/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo Ngô Văn Đ còn phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 86.000đồng (tám mươi sáu nghìn đồng).

3.2 Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền nợ gốc với tổng số tiền 796.000.000đồng, cụ thể:

1. Buộc Đàm Ngọc O nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng);

2. Buộc Nguyễn Tố N nộp vào ngân sách nhà nước số tiền: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

3. Buộc Chu Thị Hồng L nộp vào ngân sách nhà nước số tiền: 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng);

4. Buộc Nông Thị Bích N nộp vào ngân sách nhà nước số tiền: 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng);

5. Buộc Hoàng Thị K A nộp vào ngân sách nhà nước số tiền: 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng);

6. Buộc Nguyễn Thị H nộp vào ngân sách nhà nước số tiền: 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng);

7. Buộc Diệp Phúc H nộp vào ngân sách nhà nước số tiền: 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng);

8. Buộc Trần Thị T nộp vào ngân sách nhà nước số tiền: 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng);

9. Buộc Phạm Việt H nộp vào ngân sách nhà nước số tiền: 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng);

10. Buộc Nông Trần H nộp vào ngân sách nhà nước số tiền: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng);

11. Buộc Nguyễn Thu T nộp vào ngân sách nhà nước số tiền: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng);

12. Buộc Hứa Trường G nộp vào ngân sách nhà nước số tiền: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

13. Buộc Vũ Văn T nộp vào ngân sách nhà nước số tiền: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

14. Buộc Nguyễn Thị L nộp vào ngân sách nhà nước số tiền: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng);

15. Buộc Hà Quốc L nộp vào ngân sách nhà nước số tiền: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

16. Buộc Mạc Hồng H nộp vào ngân sách nhà nước số tiền: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

17. Buộc Đinh Công C nộp vào ngân sách nhà nước số tiền: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

3.3 Xác nhận bị cáo Ngô Văn Đ đã trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền thu lợi bất chính với tổng số tiền là 740.289.000 đồng (bảy trăm bốn mươi triệu hai trăm tám mươi chín nghìn đồng).

3.4 Tịch thu số tiền 257.700.000 đồng (hai trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

3.5 Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- 01 (một) điện thoại Iphone 11, số Imei: 353984103787816; bên trong lắp 01 sim Viettel, trên sim có dãy số: 8984 04800 03800 00959.

- 01 (một) điện thoại Iphone 11 Promax, số Imei: 353955101055257; bên trong lắp 01 sim Vinaphone, trên sim có dãy số: 89840 20001 09486 34548.

- 01 (một) điện thoại Iphone 12 Promax màu đen, Imei 1: 353730396091865, Imei 2: 353730396186145 bên trong gắn 01 sim kỹ thuật số, có số thuê bao 0355557099.

- 01 (một) điện thoại di động Oppo màu đen, số Imei 1: 865413048332315, Imei 2: 865413048332307 lắp 01 sim số thuê bao 0339803444.

3.6 Trả lại các vật chứng sau:

- Trả lại cho bị cáo Lã Kiên C 01 (một) điện thoại Nokia màu đen Imei 1: 35907701129325, Imei 2: 35907701629324 bên trong lắp 01 sim có dãy số 898404800091421800;

- Trả lại bị cáo Ngô Văn Đ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC376818 mang tên Ngô Văn Đ; 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC395406 mang tên Ngô Văn Đ và Tô Thị Quỳnh G; 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC695787 mang tên Ngô Văn Đ và Tô Thị Quỳnh G. Tuy nhiên, tạm giữ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC376818 mang tên Ngô Văn Đ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho Hoàng Thái D 01 (một) căn cước công dân tên Hoàng Thái D;

- Trả lại cho Vũ Thị Khánh C 01 (một) căn cước công dân tên Vũ Thị Khánh C;

- Trả lại cho Nguyễn Tiến M 01 (một) căn cước công dân tên Nguyễn Tiến M; 01 (một) giấy phép lái xe tên Nguyễn Tiến M;

- Trả lại cho bà Phương Thị N một sổ bảo hiểm tên Phương Thị N.

- Trả lại cho Đinh Công C một bằng cử nhân ngành luật học tên Đinh Công C;

- Trả lại cho Nguyễn Thị L 01 (một) Quyết định về việc nâng bậc lương năm 2020 số 916/QĐ –UBND của UBND huyện Cao Lộc ký ngày 24/3/2020 cho Nguyễn Thị L, viên chức trường mầm non xã Xuân Long; 01 (một) Quyết định số 2146/QĐ –UBND ngày 23/7/2020 của UBND huyện Cao Lộc về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức kế toán cho bà Nguyễn Thị L từ trường mầm non xã Xuân Long đến trường THCS xã Yên Trạch.

- Trả lại cho Phạm Kim N 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Kim N;

- Trả lại cho Lô Văn D 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lô Văn D.

- Trả lại cho Hoàng Thu H 01 (một) hộ chiếu số B5478547 của Hoàng Thu H (sinh năm 1976; số GCMND: 080986283).

- Trả lại cho Hải Thị Tuyết 01 (một) Giấy thông hành xuất cảnh số 587614B của Hải Thị Tuyết (sinh năm 1975; chỗ ở ngõ 16, đường Nguyễn D, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).

- Trả lại cho Nông Bá H 01 (một) căn cước công dân tên Nông Bá H;

- Trả lại cho Lâm Ngọc T 01 (một) căn cước công dân tên Lâm Ngọc T;

- Trả lại cho Mạc Hồng H 01 (một) căn cước công dân Mạc Hồng H
- Trả lại cho Nông Trần H 01 (một) căn cước công dân Nông Trần H.

- Trả lại cho chủ sở hữu là những người có tên trên 19 (mười chín) Giấy đăng kí xe sau :01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Lê Hương G; 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Đinh Diệu L; 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Lương Thị V; 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Vũ Thị Minh T; 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị M; 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Nhi H; 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Vũ Lan H; 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Th; 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên La Văn T 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Hoàng Văn H; 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Lương Thị Quỳnh H; 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Linh Thị T; 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Hồ Thu H; 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Lã Hoàng X; 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Phương H; 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Nông Văn C; 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Lã Xuân M; 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Trần Ngọc Y; 01 (một) giấy đăng ký xe mang tên Phạm Thị H.

- Trả lại cho chủ sở hữu là những người có tên trên 10 (mười) Giấy phép lái xe sau: 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Phạm Việt H; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Hoàng Thanh T; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Phạm Công H; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Vũ Thanh H; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Cao C; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Hoàng Thu H; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Phạm Văn H; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Tô Hoàng N; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thanh H; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Đoàn Lê H.

3.7 Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 (một) quyển sổ có hình 5 cô gái, trên bìa có chữ “girl day K-POP”;
- 01 (một) quyển sổ quản lý dịch vụ cầm đồ, bên trong có 04 trang chứa nội dung;
- 01 (một) quyển sổ quản lý kinh doanh dịch vụ cầm đồ, bên trong có 02 trang chứa nội dung;
- 01 (một) quyển sổ bìa màu xanh bị rách, bên trong có 11 trang chứa nội dung;
- 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn K; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị L A; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lã Kiên C .
- 01 (một) thẻ ngân hàng Techcombank, số thẻ: 422149866398, chủ tài khoản: Tô Thị Quỳnh G; 01 (một) thẻ ngân hàng Vietcombank, số thẻ: 4283104105748297, chủ tài khoản: Ngô Văn Đ; 01 (một) thẻ ngân hàng Mbank, số thẻ: 4089041036012573, chủ tài khoản: Ngô Văn Đ; 01 (một) thẻ ngân hàng Viettinbank, số thẻ: 4026490003104341, chủ tài khoản: Ngô Văn Đ.

- 71 (bảy mươi một) Chứng minh nhân dân sau: 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Thu H; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn H; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thị Huệ; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thế H; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Trương Thị Minh C; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị Thủy; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Phương T; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thị C; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Quyết Ch; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Kim L; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Minh Tr; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lương Thị Thủy D; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Tổ N ; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Dương Minh H; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hà Việt C; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh M; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thu H; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Võ Thị Nh; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thu H; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lô Văn D; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Trương Thị Th; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lương Thị H; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Văn Vượng; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Bé Thị Th; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Vi Thu H; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Đường Thị D; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Vũ Hồng H; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thị H; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Bảo L; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Thanh H; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thị M; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Chu Cao K; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lưu Thị H; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lành Thị P; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Vũ Thị H; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Trần C; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Bùi Trung T; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị N; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lương Thị Vân A; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Đinh Diệu L; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Lệ T; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Cam Thị Huệ Gi; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Chu Thị H; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thị Thủy; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thị V; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thị D; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lê Đức Đ; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Chu Thành C; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hà Duy H; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên La Thị V; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lê Hương G; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Tạ Thị Thu L; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nông Thị H; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Cù Thị Thanh T; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thị H; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn T; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thị T; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị L; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị Bích N; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thị X; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Đỗ

Thanh T; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Dương Thị Th; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Vân L; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Hà L; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn Hn; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thị K; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lưu Thị Th; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên **Triệu Văn Th**; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị Loan; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Vũ Mai H.

- 07 (bảy) sổ tạm trú sau: 01 (một) sổ tạm trú mang tên Chu Bích H; 01 (một) sổ tạm trú mang tên Nguyễn Văn H; 01 (một) sổ tạm trú mang tên Nguyễn Văn H; 01 (một) sổ tạm trú mang tên Chu Thị T; 01 (một) sổ tạm trú mang tên Kiên Thị N; 01 (một) sổ tạm trú mang tên Phạm Công H; 01 (một) sổ tạm trú mang tên Nguyễn Văn Đ.

- 49 (bốn mươi chín) sổ hộ khẩu sau: 01 (một) sổ hộ khẩu số 370129522, chủ hộ Đinh Thế L; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370095786, chủ hộ Vi Thị Đ; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370039459, chủ hộ Trần Văn T; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370101544, chủ hộ Nguyễn Thế L; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370130162, chủ hộ Nguyễn Thuý H; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370039048, chủ hộ Nông Ngọc H; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370020081, chủ hộ Đỗ Xuân T; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370121510, chủ hộ Phạm Minh T; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370095441, chủ hộ Triệu Thị L; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370094883, chủ hộ Nguyễn Văn C; 01 (một) sổ hộ khẩu của chủ hộ Đặng Thị T; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370123038, chủ hộ Chu Cao K; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370020252, chủ hộ Lâm Thị T; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370123963, chủ hộ Hà Bảo T; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370000542, chủ hộ Võ Thị Nh; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370094845, chủ hộ Đới Thị H; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370038915, chủ hộ Lưu Viết T; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370039063, chủ hộ Lý Kiều M; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370038621, chủ hộ Vi Văn B; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370095492, chủ hộ Nguyễn Thị K; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370100616, chủ hộ Nguyễn Thị L; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370095733, chủ hộ Linh Tuyết M; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370101838, chủ hộ Nguyễn Chí T; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370015487, chủ hộ Bùi Trung T; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370106963, chủ hộ Đỗ Quyết Ch; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370117637, chủ hộ Lương Hùng A; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370049675, chủ hộ Trần Xuân P; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370000796, chủ hộ Nguyễn Văn C; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370095031, chủ hộ Hoàng Thị T; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370093167, chủ hộ Dương Văn G; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370103638, chủ hộ Hoàng Thị M; 01 (một) sổ hộ khẩu số 060412247, chủ hộ Vũ Viết Q; 01 (một) sổ hộ khẩu của chủ hộ Đàm Quang D; 01 (một) sổ hộ khẩu số 370073797, chủ hộ Nông Trần H; 01 (một) sổ hộ khẩu số 240574349, chủ hộ Vũ Văn T; 01 (một) sổ hộ khẩu số CL3915, chủ hộ Phạm Xuân T; 01 (một) sổ hộ khẩu số 314, chủ hộ Nguyễn Thị H1; 01 (một) sổ hộ khẩu số 22, chủ hộ Phạm Đình D; 01 (một) sổ hộ khẩu số 05, chủ hộ Trịnh Phú Trục; 01 (một) sổ hộ khẩu số 177, chủ hộ Mạc Thế D; 01 (một) sổ hộ khẩu mang tên Hoàng Thị B; 01 (một) sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị D; 01 (một) sổ hộ khẩu mang tên Vũ Văn N(Nhi); 01 (một) sổ hộ khẩu mang tên Trần Thị T; 01 (một) sổ hộ khẩu mang tên La Thị V;

01 (một) sổ hộ khẩu mang tên Hoàng Thị C; 01 (một) sổ hộ khẩu mang tên Lương Thị U; 01 (một) sổ hộ khẩu mang tên Mai Thị N; 01 (một) sổ hộ khẩu mang tên Lê Văn Liệu.

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 370123806 mang tên Đinh Công C.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03 tháng 4 năm 2023 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn và Biên bản giao nhận đồ vật tài liệu, vật chứng ngày 23/12/2022).

3.8 Hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản sau:

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 127/LPT-CSHS-P6; số 128/LPT-CSHS-P6; số 129/LPT-CSHS-P6; số 130/LPT-CSHS-P6, số 131/LPT-CSHS-P6 cùng ngày 24/11/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an đối với tài khoản của chị Tô Thị Quỳnh G.

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 133/LPT-CSHS-P6, số 134/LPT-CSHS-P6 cùng ngày 24/11/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an đối với bị cáo Ngô Văn Đ;

- Lệnh phong tỏa tài khoản số 132/LPT-CSHS-P6 ngày 24/11/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an đối với bị cáo Lã Kiên C .

4. Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Mỹ Dung

Đoàn Văn Xây

Chu Thị Phương Thảo

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Công an TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- CQTHAHS CATP. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP. Lạng Sơn;
- Các Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Phương Thảo

